

Dự án Tăng cường Năng lực Thể chế cho quản lý thiên tai rủi ro tại Việt Nam, đặc biệt là các thiên tai liên quan tới biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2012-2016 -SCDM II



2016

BÁO CÁO HOÀN THÀNH



Gói thầu: Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số

4/10/2016



MỤC LỤC

MỤC LỤC	02
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	03
LỜI NÓI ĐẦU	04
PHẦN 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM VÀ TÁC ĐỘNG CỦA THIÊN TAI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DTTS.	05
1.1 Phân bố dân cư và phân loại người DTTS Việt Nam	
1.2 Tác động của các loại hình thiên tai đối với cuộc sống và kinh tế của người DTTS	
1.2.1 Tác động của thiên tai đối với người dân tộc thiểu số khu vực Miền núi	
1.2.2 Tác động của thiên tai đối với người dân tộc thiểu số khu vực Duyên Hải	
1.4 Các yếu tố tác động đến khả năng ứng phó và giảm nhẹ hậu quả của thiên tai đối với người DTTS	
1.4.1 Ngôn ngữ	
1.4.2 Văn hóa và tín ngưỡng	
1.4.3 Tri thức bản địa trong phòng chống thiên tai của người DTTS	
1.4.4 Đời sống kinh tế	
PHẦN 2: HIỆN TRẠNG TRUYỀN THÔNG VỀ THIÊN TAI ĐỐI VỚI NGƯỜI DTTS	15
2.1 Khái niệm truyền thông	
2.2 Truyền thông về thiên tai cho người DTTS	
2.2.1 Các bên tham gia công tác truyền thông thiên tai đối với người DTTS	
2.2.2 Nguồn thông tin truyền thông về thiên tai đối với người DTTS	
2.2.3 Phương thức, công cụ, tài liệu và quy mô mạng lưới truyền thông đại chúng về thiên tai đối với người DTTS	
2.2.4 Thông điệp truyền thông	
2.3 Đánh giá tác động thực tế của các phương tiện truyền thông đối với người dân tộc thiểu số.	
2.3.1 Các kênh truyền thông hiệu quả trong công tác giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về thiên tai.	
2.3.2 Các kênh truyền thông hiệu quả Trước, Trong và Sau khi thiên tai xảy ra với người dân tộc thiểu số	
2.3.3 Những thông điệp truyền thông được người DTTS yêu thích	
2.4. Vai trò của địa phương và cộng đồng đối với truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số	
2.4.1 Vai trò của địa phương trong việc phòng tránh, ứng phó với thiên tai	
2.4.2 Vai trò của cộng đồng trong việc phòng tránh, ứng phó với thiên tai	
2.4.3 Vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản trong việc phòng tránh, ứng phó với thiên tai	

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



- 2.5 Bình đẳng giới trong công tác truyền thông cho người dân tộc thiểu số**
- 2.6 Những vấn đề đặt ra đối với công tác truyền thông cho người DTTS**
- 2.7 Bài học kinh nghiệm**
 - 2.5.1 Bài học kinh nghiệm truyền thông thiên tai của các quốc gia trên thế giới thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai
 - 2.5.2 Liên Hợp Quốc tại Việt Nam và tổ chức Oxfam và bài học kinh nghiệm về Bình đẳng giới trong công tác giảm nhẹ rủi ro thảm họa và tăng trưởng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.
 - 2.5.3 Tổ chức FAo và bài học kinh nghiệm phòng tránh thiên tai cho cộng đồng các dân tộc thiểu số thông qua việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm

PHẦN 3: NHẬN THỨC VÀ HÀNH VI CỦA NGƯỜI DTTS TRONG CÔNG TÁC PHÒNG TRÁNH VÀ GIẢM NHẸ HẬU QUẢ DO THIÊN TAI GÂY RA 36

- 3.1 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với các loại hình Thiên tai theo độ tuổi
- 3.2 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với các loại hình Thiên tai theo giới tính
- 3.3 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với các loại hình Thiên tai theo nghề nghiệp
- 3.4 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với các loại hình Thiên tai theo trình độ học vấn
- 3.5 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với các loại hình Thiên tai theo mức độ thiệt hại mà người được khảo sát đã từng phải gánh chịu do thiên tai gây ra

PHẦN 4 PHÁT HIỆN VÀ KHUYẾN NGHỊ 39

- 4.1 Các phát hiện và khuyến nghị đối với nội dung truyền thông thiên tai cho người DTTS
- 4.2 Các phát hiện và khuyến nghị đối với ngôn ngữ truyền thông thiên tai cho người DTTS
- 4.3 Các phát hiện và khuyến nghị đối với thông điệp truyền thông thiên tai cho người DTTS
- 4.4 Các phát hiện và khuyến nghị đối với Kênh, công cụ và phương thức truyền thông cho người dân tộc thiểu số
- 4.5 Các phát hiện và khuyến nghị đối với Tài liệu truyền thông cho người dân tộc thiểu số
- 4.6 Các phát hiện và khuyến nghị đối với bình đẳng giới trong truyền thông thiên tai đối với người DTTS
- 4.7 Các phát hiện và khuyến nghị đối với vai trò của cộng đồng trong truyền thông thiên tai đối với người DTTS

PHẦN 5 CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG THIÊN TAI CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 48

- 5.1 Mục tiêu và đối tượng truyền thông
- 5.2 Mục tiêu của chiến lược
- 5.3 Các giải pháp để thực hiện chiến lược

PHẦN 6: KẾ HOẠCH VÀ HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC 52

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



6.1 Kế hoạch và hành động cụ thể nâng cao hiệu quả công tác giáo dục và nâng cao nhận thức của người dân tộc thiểu số trong phòng tránh và giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra

6.2 Kế hoạch và hành động cụ thể nâng cao hiệu quả cảnh báo sớm rủi ro thiên tai

6.3 Kế hoạch và hành động cụ thể nâng cao hiệu quả truyền thông cho người dân tộc thiểu số trong và sau khi thiên tai xảy ra

HẾT

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Kp[Dân tộc thiểu số
CBDRM	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
CQLĐĐ &PCLB	Cục Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão (Cục QLĐĐPCLB)
CPO	Ban quản lý trung ương các dự án thủy lợi
BCĐ TW PCTT	Ban chỉ trung ương Phòng, chống thiên tai
BCH PLLB Tỉnh	Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão tỉnh
Đoàn TN	Đoàn Thanh niên
HCTĐ	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
Hội ND	Hội Nông dân
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
Chính phủ	Chính phủ Việt Nam
GSO	Tổng cục Thống kê
GNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai (DRR)
Hội PN	Hội Phụ nữ (WU)
B.NNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
B.TTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông
B.QP	Bộ Quốc phòng
B.GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BYT	Bộ Y tế
B.TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
PCGNTT	Phòng chống giảm nhẹ thiên tai
QLTT	Quản lý Thiên tai
QLRRTT	Quản lý rủi ro thiên tai

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



TTDBKTTVTU
TT-NT-GD
TTQLTT
VOV
VTV
UBND
UBQG TKCN

Trung tâm Dự báo khí tượng-thủy văn trung ương
Thông tin - Nhận thức - Giáo dục
Trung tâm Quản lý, Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai (DMC)
Đài Tiếng nói Việt Nam
Đài Truyền hình Việt Nam
Ủy ban Nhân dân
Ủy ban quốc gia Tìm kiếm và cứu nạn (CCFSR)

LỜI NÓI ĐẦU

1. Mục đích ý nghĩa

Truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc đem lại kết quả bền vững cho các chương trình phát triển cộng đồng, xóa đói giảm nghèo và phòng chống, giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra. Vì truyền thông làm thay đổi nhận thức của con người, dẫn đến sự tự nguyện thay đổi hành vi – 1 trong những yếu tố duy trì kết quả phát triển bền vững.

Từ nhiều năm nay, Nhà nước luôn dành các điều kiện ưu đãi nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các cộng đồng thiểu số, hỗ trợ thực hiện quyền bình đẳng ở nhiều lĩnh vực. Đảng, Nhà nước cũng có nhiều Quyết định, chính sách về phát triển thông tin, truyền thông ở vùng dân tộc thiểu số: Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 5/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012–2015; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 4/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

Đối tượng truyền thông là người dân tộc thiểu số đòi hỏi cách tiếp cận cũng như phương pháp truyền thông có những nét riêng trên cơ sở tôn trọng, vận dụng và phát huy đa dạng văn hóa, tri thức bản địa và giá trị đặc sắc của từng tộc người.

Truyền thông sẽ không đạt hiệu quả mong muốn nếu không hiểu biết sâu sắc về đối tượng, đặc biệt là đối với người dân tộc thiểu số - một đối tượng đặc thù: Đặc thù về địa bàn cư trú không tập trung, địa hình giao thông trắc trở, trình độ học vấn đa số còn ở mức thấp, đời sống kinh tế khó khăn, chậm phát triển; Về đa dạng văn hóa, ngôn ngữ và những tri thức bản địa khác; Về tâm lý và thói quen tiếp nhận thông tin.

Mặc dù được quan tâm đầu tư thích đáng của Đảng và Nhà nước, song đến nay, khoảng cách hưởng thụ thông tin văn hóa giữa thành thị và nông thôn đặc biệt là các vùng dân tộc thiểu số vẫn còn

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



khá xa. Các phương tiện truyền thông như báo in, phát thanh, truyền hình vẫn còn tồn tại những hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu truyền thông dân tộc. Bên cạnh đó các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông như báo mạng và mạng xã hội đang có tác động to lớn tới dư luận xã hội vẫn chưa được tận dụng hiệu quả trong truyền thông dân tộc.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả truyền thông thiên tai đối với người dân tộc thiểu số việc nghiên cứu một cách tổng quát và chuyên sâu các yếu tố tác động đến năng lực phòng, chống và nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra đối với người dân tộc thiểu số là vô cùng quan trọng. Thông qua kết quả nghiên cứu này người làm truyền thông thiên tai cho người DTTS số có thay đổi phương thức truyền thông, đa dạng hóa công cụ và tài liệu truyền thông sao cho phù hợp với từng nhóm đối tượng người dân tộc thiểu số cụ thể đối với công tác phòng chống thiên tai và thích ứng BĐKH

Mục tiêu

Rà soát, đánh giá hiện trạng mức độ hiểu biết của người dân, với trọng tâm là người dân tộc thiểu số ở khu vực Miền núi phía Bắc và đại diện Duyên hải Trung Bộ về QLRRTT-DVCD và TUBĐKH,

Đề xuất và xây dựng các hình thức truyền thông hiệu quả cho các loại hình thiên tai cho cộng đồng (cấp xã, thôn/bản) ở khu vực miền núi phía bắc và duyên hải miền Trung.

2. Đối tượng thụ hưởng

Người dân tộc thiểu số trên cả nước

Người làm đài truyền thanh xã, phường, huyện, tỉnh vùng dân tộc thiểu số.

Người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ xã, thôn, bản.

Người làm công tác văn hóa thông tin, đoàn thể ở vùng dân tộc (đội thông tin lưu động, cộng tác viên dân số, đoàn thanh niên, hội phụ nữ...

Đội ngũ giáo viên, bộ đội biên phòng, cán bộ khuyến nông, khuyến lâm ở cơ sở...cho vùng, miền.

PHẦN 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM VÀ TÁC ĐỘNG CỦA THIÊN TAI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DTTS.

1.1 Phân bố dân cư và phân loại người DTTS Việt Nam

Việt Nam là một đất nước đa dân tộc với 54 dân tộc cùng sinh sống. Dân tộc Việt (Kinh) chiếm 87% dân số cả nước. Các nhóm DTTS hiện chiếm khoảng 13% tổng dân số cả nước,

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



trương đương hơn 10 triệu người thuộc về 53 dân tộc sống tập trung chủ yếu trên các vùng đồi núi, cao nguyên, chiếm 2/3 diện tích tự nhiên cả nước và trải dài từ Bắc vào Nam. Các nhóm DTTS rất khác nhau về số dân. Có những nhóm có đông dân cư như Tày, Thái, Mường, Hoa, Khơ-me, Nùng, Chăm, Êde với dân số của mỗi dân tộc lên đến trên một triệu người, nhưng cũng có những nhóm người DTTS như Brâu, Romam, O-đu... với số dân chỉ hơn 300 người trên một nhóm. Mỗi nhóm dân tộc đều có nền văn hoá riêng biệt, giàu có và độc đáo. Tín ngưỡng và tôn giáo của các dân tộc cũng có điểm khác biệt. Sự khác biệt về văn hóa giữa các dân tộc cũng tạo nên sự khác biệt trong quá trình phát triển kinh tế, hội nhập trong nền kinh tế thị trường. Về phân bố dân cư, người DTTS ở Việt Nam sinh sống chủ yếu ở hai vùng miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên, với khoảng 75% tổng số người DTTS sống ở 2 khu vực này. Hai nhóm DTTS là người Chăm và người Khơ Me sống biệt lập ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Do nhiều lý do, hiện nay, các nhóm người DTTS ở Việt Nam thường sống xen kẽ giữa các dân tộc trên một địa bàn. Có đến hơn một nửa số huyện ở miền núi phía Bắc có mười hoặc nhiều hơn nhóm dân tộc đang sinh sống hoặc là cạnh nhau hoặc đan xen nhau trong một thôn bản. Ngay cả một dân tộc cũng không sinh sống cùng nhau ở một vùng mà rải rác ở các khu vực khác nhau. Đặc điểm này có đã lâu đời ở các vùng người DTTS ở phía Bắc và đang dần xuất hiện ở các khu vực khác như Tây Nguyên. Sự phân bố rải rác của một nhóm DTTS trên nhiều địa phương hay đan xen các nhóm DTTS trong cùng một địa bàn cùng với sự đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ và mức độ phát triển giữa các nhóm DTTS ở Việt Nam đang đặt ra thách thức cho các chính sách ở các địa phương có đông người dân tộc và các chính sách đối với người DTTS.

1.2 Tác động của thiên tai đối với cuộc sống và kinh tế của người DTTS

1.2.1 Tác động của thiên tai đối với người dân tộc thiểu số khu vực Miền núi

Với địa hình đồi núi phức tạp, nên các tỉnh miền núi phía Bắc thường xuyên phải gánh chịu những đợt thiên tai nghiêm trọng, loại hình thiên tai tương đối đa dạng và phức tạp như:

- Mưa nhiều, độ dốc lớn, miền núi còn là nơi xảy ra các thiên tai như lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, trượt lở đất.
- Tại các đứt gãy sâu còn có nguy cơ phát sinh động đất.
- Các thiên tai khác như lốc, mưa đá, sương muối, rét hại... thường gây tác hại lớn cho sản xuất và đời sống dân cư.
- Địa hình chia cắt mạnh, lắm sông suối, hẻm vực, sườn dốc, gây trở ngại cho giao thông, cho việc khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các vùng.

Hàng năm, nhân dân các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc luôn phải hứng chịu nhiều thiệt hại lớn về người và của do thiên tai gây ra. Những năm gần đây, tình hình thiên tai diễn ra ngày càng phức tạp trong đó lũ, lũ quét và sạt lở đất là những loại hình thiên tai đặc biệt nghiêm trọng, diễn ra với tần

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



suất lớn, liên tục do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Gây tổn thất nghiêm trọng về người, tài sản và môi trường sinh thái. Không chỉ thế, thiên tai còn xảy ra phổ biến trên phạm vi rộng và gây ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế, xã hội và sức khỏe của cư dân cũng như cộng đồng, xã hội.

Theo số liệu thống kê, từ năm 2000 đến 2014 đã xảy ra 250 đợt lũ quét, sạt lở ảnh hưởng tới các vùng dân cư, làm chết và mất tích 646 người, bị thương gần 351 người; hơn 9.700 căn nhà bị đổ trôi; hơn 100.000 căn nhà bị ngập, hư hại nặng; hơn 75.000 ha lúa và hoa màu bị ngập; hàng trăm ha đất canh tác bị vùi lấp; nhiều công trình giao thông, thủy lợi, dân sinh kinh tế bị hư hỏng nặng nề, tổng thiệt hại ước tính trên 3.300 tỷ đồng. Các tỉnh thường xuyên xảy ra lũ quét, sạt lở đất nhất gồm: Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Bắc Cạn, Yên Bái, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận.

1.2.2 Tác động của thiên tai đối với người dân tộc thiểu số khu vực Duyên Hải

Tác động của BĐKH không trừ đất nước nào, dù cho nước đó không góp nhiều vào nguyên nhân gây biến đổi khí hậu. Việt Nam là nước đang phát triển nằm trong nhóm nước dễ bị tổn thương trước mực nước biển dâng cao bên cạnh việc thay đổi hình thái khí hậu. Hình thức thiên tai chủ yếu xảy ra tại khu vực Duyên hải là bão, lũ lụt hạn hán và xâm nhập mặn

Mực nước biển dâng cao làm thay đổi chế độ động lực của sóng và dòng chảy ven bờ, làm thay đổi hình thái bờ biển và sông, gây xói lở bờ và hệ thống đê biển. Mực nước biển dâng cao làm cho khả năng tiêu thoát nước ra biển sẽ giảm, kéo theo mực nước các con sông trong nội địa dâng lên, kết hợp với sự gia tăng dòng chảy lũ từ thượng nguồn sẽ đe dọa sự an toàn của hệ thống đê sông, đê bao và bờ bao. Tất cả nguy cơ này đe dọa đến sự tồn tại của các cộng đồng ven biển, các hệ sinh thái và các cơ sở hạ tầng có tầm quan trọng quốc gia. Đây lại là những vùng có mật độ cao các làng cá quy mô nhỏ, nơi cư trú của hàng vạn hộ gia đình ngư dân, nơi tập trung cơ sở hạ tầng du lịch, nghề nuôi trồng và chế biến thủy sản, sẽ bị sóng phá hủy. Các cơn bão kết hợp các đợt gió mùa Đông Bắc kéo dài và những hiện tượng bất thường khác đã tác động đáng kể đến khai thác và nuôi trồng thủy sản. Hàng ngàn phương tiện hoạt động trên biển, ao đầm của ngư dân chịu ảnh hưởng, gây ra tổn thất về người và tài sản.

Bên cạnh những thiệt hại nặng nề về kinh tế, con người do bão lũ gây ra thì các tỉnh vùng Duyên hải miền Trung cũng phải hứng chịu những hậu quả không nhỏ do hạn hán gây ra. Hạn hán có tác động to lớn đến môi trường, kinh tế, chính trị xã hội và sức khỏe con người. Hạn hán là nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, bệnh tật thậm chí là chiến tranh do xung đột nguồn nước. Hạn hán tác động đến môi trường như huỷ hoại các loài thực vật, các loài động vật, quần cư hoang dã,

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



làm giảm chất lượng không khí, nước, làm cháy rừng, xói lở đất. Các tác động này có thể kéo dài và không khôi phục được. Hạn hán tác động đến kinh tế xã hội như giảm năng suất cây trồng, giảm diện tích gieo trồng, giảm sản lượng cây trồng, chủ yếu là sản lượng cây lương thực. Tăng chi phí sản xuất nông nghiệp, giảm thu nhập của lao động nông nghiệp

1.3 Các yếu tố tác động đến khả năng ứng phó và giảm nhẹ hậu quả của thiên tai đối với người DTTS

1.3.1 Ngôn ngữ

➤ Năng lực tiếng Việt

100% người dân đều biết tiếng Việt với tỉ lệ 84% biết viết. Với kết quả khảo sát trên 350 người dân tộc thiểu số cho thấy về khả năng tiếng Việt tương đối đồng đều giữa các dân tộc xét theo giới tính. Trên tổng thể 350 đối tượng khảo sát, nam giới có tỉ lệ biết chữ cao (86,5%) hơn so với nữ giới (77%). Tuy nhiên sự chênh lệch trình độ giữa nam giới và nữ giới là không nhiều. Người Thái có năng lực tiếng Việt cao nhất, tiếp đến là người Mông và người Khơ Mú có năng lực tiếng Việt thấp nhất. Ở cả các dân tộc thuộc phạm vi khảo sát, những người trẻ có khả năng tiếng Việt cao hơn so với nhóm đối tượng lớn tuổi. Những người có trình độ học vấn cao thì năng lực tiếng Việt cũng tốt hơn so với những người có trình độ học vấn thấp.

➤ Năng lực tiếng mẹ đẻ

100% người dân tộc thiểu số được phỏng vấn đều biết sử dụng ngôn ngữ dân tộc của họ ở mức độ nói thạo và đều khẳng định rằng trong gia đình hay bản làng của mình không có ai là không biết nói tiếng dân tộc mình. Đối với tiếng Thái và tiếng Mông – hai ngôn ngữ đã được sử dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng thì 100% số người Thái và Mông được phỏng vấn đều trả lời là họ có thể hiểu rõ nội dung khi nghe đài phát thanh hay xem truyền hình. Đối với hai dân tộc đã có chữ viết riêng là Thái và Mông thì đa số người Thái và người Mông cũng chỉ sử dụng ngôn ngữ dân tộc mình với chức năng khẩu ngữ giao tiếp hàng ngày mà không biết đọc, viết. Tỉ lệ biết chữ viết dân tộc mình trong người Thái là 18%, người Mông là 3,4%. Người Khơ Mú chưa có chữ viết riêng nên khả năng ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ chỉ ở mức nói thạo.

➤ Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người dân tộc thiểu số

Trong giao tiếp gia đình, người dân tộc thiểu số vẫn ưu tiên sử dụng ngôn ngữ của họ. Đối với những trường hợp giao tiếp với người lớn tuổi hơn (như ông, bà, cha, mẹ), giao tiếp với những người ngang hàng (vợ, chồng, anh, chị, em) hầu hết người dân chỉ sử dụng ngôn ngữ của họ. Hai trường hợp mà người dân sử dụng tiếng mẹ đẻ hoàn toàn là khi nói chuyện với ông/ bà và khi nói chuyện với cha/

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



mẹ. Đối với những người đã có gia đình và có con thì hầu hết cũng đều sử dụng ngôn ngữ của họ khi nói chuyện với vợ/ chồng, nói chuyện với con/ cháu.

Với những tình huống giao tiếp mang tính chất suồng sã, thân mật (khi tranh luận, cãi nhau hay quát mắng con cái) thì người dân thường ưu tiên ngôn ngữ mẹ đẻ. Tình huống nghi lễ trong gia đình cũng là tình huống mà tất cả người dân đều chỉ dùng tiếng mẹ đẻ của họ. Với trường hợp người dân lựa chọn sử dụng tiếng Việt nhiều hơn là khi trao đổi các vấn đề mang tính chính luận, học hành thì theo khảo sát của chúng tôi phần lớn là những người có trình độ học vấn cao và chủ yếu rơi vào nhóm nghề nghiệp là học sinh, sinh viên hay giáo viên, hành chính.

Hộp kết quả khảo sát

Trong các hoạt động nghi lễ, cưới hỏi, tang ma thì tiếng mẹ đẻ cũng được người dân lựa chọn với tỉ lệ cao (84,6%). Trong các hoạt động mang tính văn hóa văn nghệ như hát hò, kể chuyện thì sự tham gia của tiếng Việt nhiều hơn với 34,6% trong tổng số 956 người được phỏng vấn lựa chọn sử dụng kết hợp với tiếng mẹ đẻ.

Trong trường hợp đến nhà người khác dân tộc thì số người Thái ưu tiên sử dụng tiếng Việt nhiều hơn hẳn với 93,7% trong khi người Mông là 82,3% và người Khơ Mú là 59%. Khi có khách đến nhà là người khác dân tộc thì tình hình cũng tương tự với 96,2% số người Thái lựa chọn sử dụng tiếng Việt, tiếp đến là người Mông với 72,1% và người Khơ Mú cũng chỉ có 59,3%.

Trong những hoàn cảnh giao tiếp công cộng, khi đi làm các thủ tục hành chính, ở nơi học tập làm việc thì có sự khác biệt rõ về việc lựa chọn ngôn ngữ trong sử dụng tùy thuộc vào đối tượng cùng giao tiếp. Khi giao tiếp ở nơi công cộng, có đến 94,6% số người được hỏi sử dụng tiếng dân tộc mình để giao tiếp với người cùng dân tộc; khi giao tiếp hành chính là 88,4% và khi đi học tập, làm việc, thì tỉ lệ này là 77,5%. Số người không dùng tiếng dân tộc của họ ở nơi học tập, làm việc khi nói chuyện với người cùng dân tộc chủ yếu rơi vào nhóm học sinh, sinh viên, giáo viên, công nhân.

Về năng lực ngôn ngữ: người dân tộc thiểu số có khả năng sử dụng tiếng dân tộc và tiếng phổ thông cao. 100% người được hỏi đều biết sử dụng cả tiếng Việt và tiếng dân tộc của họ. 84% người dân biết chữ viết tiếng Việt là con số cao đối với cả huyện miền núi còn nhiều khó khăn. Kết quả định lượng cho thấy trong các lĩnh vực giao tiếp khác nhau thì tiếng Việt nổi trội ở lĩnh vực giáo dục và giao tiếp nghề nghiệp, còn tiếng dân tộc thiểu số có vị thế cao hơn ở các lĩnh vực gia đình, bạn bè, nghi lễ. Nhìn từ góc độ dân tộc thì người dân tộc Thái khả năng tiếng Việt cao hơn và có xu hướng sử dụng tiếng Việt nhiều hơn trong các hoàn cảnh giao tiếp. Nhìn ở góc độ tuổi tác thì nhóm người trẻ tuổi có xu hướng sử dụng tiếng Việt nhiều hơn so với người lớn tuổi. Bên cạnh đó nghiên cứu cũng

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



chỉ ra rằng đối với truyền thông thiên tai nên đa dạng về hình thức ngôn ngữ để phù hợp từng hoàn cảnh sử dụng của người DTTS và đặc biệt lưu ý việc xuất bản các tài liệu truyền thông thiên tai bằng giấy nên sử dụng tiếng Việt với ngôn từ gần gũi, đơn giản, dễ hiểu thì sẽ mang lại hiệu quả cao trong công tác truyền thông cho người DTTS.

1.3.2 Văn hóa, tín ngưỡng và xã hội của người DTTS

➤ Xã hội

Nét nổi bật của các DTTS là đời sống xã hội mang tính cộng đồng cao. Trong thiết chế cổ truyền, buôn làng của đồng bào là những đơn vị cơ sở xã hội duy nhất và cao nhất (trên nó không còn một thiết chế nào khác), có nơi cư trú và nơi canh tác riêng, có bến nước và nghĩa địa riêng, mặc nhiên được các buôn làng khác thừa nhận. Do đó, mỗi buôn làng của đồng bào DTTS có thể coi là một đơn vị tự quản riêng biệt và tương đối hoàn chỉnh.

Người Thái: Khu vực chúa đất cai quản gọi là mường và có bộ máy cai trị cũng như có luật lệ riêng. Mỗi mường có một mường trung tâm và các mường ngoại vi. Chúa đất cai quản toàn mường, con trai cả của chúa đất sẽ cai quản mường trung tâm, các con trai thứ và các cháu sẽ cai quản các mường phụ thuộc. Bộ máy thống trị toàn mường lớn gọi là *Xiêng* hay *Chiêng*. ...

Người Mông : Bộ máy *Seophai3* cai quản một bản, thống lý cai quản một vùng, ngoài ra còn có các phó thống lý, lý dịch. Những người trong bộ máy cai trị thường là người đứng đầu các dòng họ. Trong xã hội truyền thống của người Mông, quan hệ cố kết dòng họ là nét đặc trưng nhất, nó được biểu hiện ở 2 hình thức: cố kết rộng và cố kết hẹp.

Người Khơ mú: Người Khơ mú có nhiều dòng họ, các dòng họ của họ thường mang tên cây, cỏ hay chim, thú. Các quan hệ của họ chủ yếu dựa theo nhóm hôn nhân. Với các dân tộc khác như Kháng, Xinh Mun, tổ chức xã hội truyền thống của họ cũng tương tự như ở người Khơ mú, họ đều có quá trình dài lâu trong lịch sử là những người bị phụ thuộc và trở thành người làm công như lệ nông cho các chúa đất (*phía tạo*) người Thái.

Người Chăm: Người Chăm thường sinh sống tập trung trong palei Cam (làng Chăm). Mỗi palei có khoảng 300 đến 400 hộ gia đình, cùng theo một tôn giáo nhất định, gồm nhiều tộc họ sinh sống với nhau. Mỗi palei đều có một đơn vị hành chính của làng là: Hội đồng phong tục và Po Palei (Trưởng làng), trong đó, Po Palei là người đóng vai trò rất quan trọng trong Palei. Po Palei được dân làng bầu,

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



phải là người cao tuổi, có uy tín, am hiểu phong tục tập quán, luôn vì mọi người, có lòng vị tha. Đồng thời Po Paley cũng phải là người lao động giỏi, có kinh nghiệm trong sản xuất, gia đình hạnh phúc, con cháu sum họp đoàn kết. Người Chăm ví Po Paley như là cây cao, bóng cả:

“
Cây to lan tỏa một lòng,
Xòe ra che mát cho người dừng chân. ”

Hội đồng phong tục do dân làng bầu chọn và có nhiệm vụ trông coi về vấn đề phong tục tập quán, tín ngưỡng. Thành viên của Hội đồng phong tục đều là những người có uy tín trong tôn giáo, trong các tộc họ, là người am hiểu tập quán, phong tục lễ nghi, tín ngưỡng, tôn giáo của người Chăm, có quyền phân xử những thành viên trong paley vi phạm Luật tục. Trong trường hợp người vi phạm ngoan cố thì khi cha, mẹ hoặc người thân chết, Hội đồng phong tục sẽ cấm các tu sỹ, chức sắc không được cúng lễ và xem như người vi phạm đã bị loại ra khỏi cộng đồng.

Một trong những đặc trưng quan trọng, cơ bản nhất của xã hội người DTTS là chế độ tự quản vận hành theo luật tục. Đây là một dạng thức văn hóa pháp luật có tính lịch sử nhất định nhưng cho đến nay vẫn còn giá trị. Luật tục trong xã hội cổ truyền có thể tồn tại dưới dạng văn xuôi hay văn vần và được truyền miệng từ đời này sang đời khác; nó đã trở thành máu thịt, thấm đẫm trong mọi hành xử của cả cộng đồng. Trong xã hội cổ truyền thì luật tục có hiệu lực như một sức mạnh để chế ước xã hội. Phạm vi điều chỉnh của luật tục khá rộng và những điều răn trong luật tục có ý nghĩa to lớn đối với các thành viên. Ngoài ra, về mặt văn hóa, luật tục cũng có thể coi là di sản văn hóa tộc người đặc sắc, phản ánh những quan niệm, luật lệ, quy tắc của xã hội.

➤ Văn hóa, Tín ngưỡng

Về phương diện văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, mỗi dân tộc thiểu số ở Việt Nam có những nét văn hóa, phong tục tập quán riêng rất độc đáo góp phần tạo nên nền văn hóa Việt Nam đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc. Việt Nam nằm ở trung tâm khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, thiên nhiên tương đối phong phú, đa dạng. Thời xa xưa, người Việt sống chủ yếu dựa vào việc khai thác tự nhiên. Vì vậy, việc thờ cúng các vị thần tự nhiên (nhiên thần) đã sớm gần gũi với các dân tộc người Việt. Hơn nữa, Việt Nam lại là ngã ba đường nơi giao lưu của nhiều tộc người, của nhiều luồng văn minh. Hai yếu tố đó làm cho Việt Nam trở thành một quốc gia đa tôn giáo, tín ngưỡng. Tính đa thần ấy không chỉ biểu hiện ở số lượng lớn các vị thần mà điều đáng nói là, các vị thần ấy cùng đồng hành trong tâm thức một người Việt. Trừ dân tộc Khơ-me đã theo Phật giáo Nam tông từ xa xưa, còn hầu hết các dân tộc thiểu số theo tín ngưỡng đa thần, với quan niệm vạn vật hữu linh và thờ cúng ông bà tổ tiên và thần linh theo phong tục tập quán truyền thống.

Do khó khăn về địa hình, giao thông, đời sống kinh tế và đời sống văn hóa tinh thần của đồng

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



bào vùng dân tộc thiểu số miền núi thường thấp hơn so với các địa phương vùng đồng bằng và sự chênh lệch này đang có xu hướng ngày càng gia tăng.

Có thể thấy, mức hưởng thụ văn hóa của vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi thường diễn ra theo hai chiều, xuất phát từ phía Nhà nước và do cộng đồng tự tạo dựng. Tuy nhiên, do những khó khăn về kinh tế, khả năng tự thân từ cộng đồng là khá hạn chế, trong khi sự quan tâm của các cấp chính quyền còn chưa đúng mức, thiếu một hệ thống chính sách phù hợp. Điều này có thể thấy qua các hoạt động tổ chức chiếu phim, biểu diễn văn nghệ dành cho đồng bào ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, nếu tính chính xác sẽ có mức chi phí cao gấp nhiều lần khu vực nông thôn đồng bằng. Trong khi đó, nguồn kinh phí dành cho những hoạt động này lại tính theo đầu dân với số lượng dân rất ít ở các xã miền núi là điều không thực tế và bất bình đẳng so với khu vực đồng bằng. Điều này dẫn đến những khó khăn trong công tác truyền thông, giáo dục đào tạo về phòng chống thiên tai thông qua hoạt động văn hóa của các DTTS.

1.3.3 Tri thức bản địa trong phòng chống thiên tai của người DTTS

Tri thức bản địa là một trong những thành tố quan trọng góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của tộc người, là tài sản trong quá trình phát triển, phản ánh mối quan hệ của mỗi cộng đồng với môi trường tự nhiên và xã hội. Kinh nghiệm phát triển của nhiều quốc gia đã chỉ ra một thực tế, tri thức khoa học hiện đại chưa đáp ứng đủ những thách thức về kinh tế - văn hóa - môi trường - xã hội. Trong khi đó, với những ưu điểm đã được chọn lọc và bảo tồn trong một thời gian lâu dài, tri thức bản địa đã đem lại những hiệu ứng tích cực trong quá trình phát triển của xã hội. Trong công tác dự báo cảnh báo thiên tai Việt Nam có cả một kho tri thức bản địa được đúc kết qua nhiều thế hệ và có giá trị vô cùng to lớn. Chúng ta cần sưu tập, bảo tồn và phát huy những tri thức này cho thế hệ sau.

Đối với việc dựa vào các loại cây cỏ để dự báo nắng mưa, người dân ở một số địa phương Bắc Trung bộ thường dựa vào quan sát biểu hiện của một số loại cây cỏ như: **cỏ gà, cây ngải tướng quân, cây chuối nước, cây cỏ gừng** và một số loại cây ăn quả trong vườn nhà như **khế, chanh**,...

“Một đám cỏ gà đang xanh mà tự nhiên trắng toát đi thì biết là ít bữa nữa thì mưa. Cỏ gà mà trắng là chắc chắn là mưa”

“Cây cỏ gừng có ba đốt thì mưa, bảy đốt thì lụt

Các loài động vật, côn trùng trong tự nhiên như **cóc, chuồn chuồn, kiến, mối, chim muông**,... cho đến những con vật nuôi trong gia đình như **con chó, con mèo, con gà**,... cũng là những căn cứ quan trọng trong kinh nghiệm dân gian của người dân ở một số địa phương Bắc Trung bộ để dự báo thời tiết mưa, nắng.

- Báo hiệu từ con cóc:

“Nghe cóc nguyền rã, con cóc mà kêu là trời sẽ mưa”

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



“Cóc trọ/kêu thì trời sắp mưa. Cóc đau bụng là kêu, kêu là trời mưa, cho nước”

- Báo hiệu từ côn trùng:

“Con kiến đỏ mà tự nhiên dưới tổ lên, kiến cánh nó lên là trời cũng mưa”

“Con kiến chuyển trứng, tha trứng lên cao đó thì sẽ chuẩn bị có mưa to”

Hộp kết quả khảo sát thực địa

Điều tra tri thức bản địa.	> 10 kinh nghiệm xem thời tiết	> 5 kinh nghiệm xem thời tiết	> 1 kinh nghiệm xem thời tiết	Không biết tý nào	Số người tiến hành khảo sát và phỏng vấn sâu
Gia làng trưởng bản	100%	0	0	0	10 người
Cán bộ cấp xã	15%	35%	55%	0	10 người
Thanh niên dân tộc	0	40%	60%	0	30 người
Trung niên dân tộc	30%	60%	10%	0	30 người
Trẻ em dân tộc	0	20%	70%	10%	30 người

Hiện nay thời tiết có nhiều biến đổi bất thường cùng với việc ngày càng có ít người biết đến kinh nghiệm dân gian đặc biệt là thế hệ trẻ. Do vậy, kinh nghiệm dân gian này cũng dần bị mai một hoặc không còn chính xác nữa. Do đó điều quan trọng là phải tập hợp được các tri thức dân gian trong vùng hay, xem những kinh nghiệm nào còn phù hợp và không phù hợp. Kinh nghiệm nào còn phù hợp cần tuyên truyền, phổ biến để bà con có thể kết hợp kinh nghiệm dân gian với những kinh nghiệm thực tế của chính địa phương và hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai.

1.3.3 Đời sống kinh tế

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Trong suốt hai thập kỷ tăng trưởng nhanh của Việt Nam, người dân tộc thiểu số ở quốc gia này đã có mức sống được cải thiện lên một cách toàn diện, song thành quả được hưởng của nhóm đối tượng này còn kém xa so với dân tộc chiếm đa số là người Kinh. Người dân tộc thiểu số chiếm 15% dân số của Việt Nam nhưng chiếm tới 70% nhóm đối tượng cực nghèo (được đo lường theo chuẩn cực nghèo quốc gia). Các yếu tố tương quan là nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ nghèo cao của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam bao gồm:

- Bị cách biệt về địa lý và hạn chế trong tiếp cận thị trường,
- Khác biệt về mặt xã hội, yếu tố văn hóa và ngôn ngữ,
- Hạn chế trong tiếp cận đất đai có chất lượng,
- Trình độ học vấn thấp.
- Thường xuyên chịu tác động và ảnh hưởng do thiên tai và biến đổi khí hậu

Báo cáo của Chính phủ 2015 đã chỉ ra một số khó khăn, tồn tại trong quá trình thực hiện Chương trình MTQG về Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 – 2015 như: kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư chưa được thu hẹp, nhất là khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Mặc dù tỷ lệ nghèo đã giảm nhanh ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, nhưng nhiều nơi tỷ lệ nghèo vẫn còn trên 50%, cá biệt còn trên 60 - 70%. Số hộ nghèo là dân tộc thiểu số chiếm gần 50% tổng số hộ nghèo trong cả nước, thu nhập bình quân của hộ dân tộc thiểu số chỉ bằng 1/6 mức thu nhập bình quân của cả nước

Sản xuất nông nghiệp là hoạt động kinh tế chủ yếu của hầu hết đồng bào các dân tộc thiểu số. Ngoài ra, họ còn làm một số nghề thủ công và thực hiện một số hình thức chiếm đoạt các nguồn lợi tự nhiên sẵn có trong rừng quanh khu vực cư trú. Mặc dù nền kinh tế thị trường đã phổ biến ở đồng bằng và một số khu vực miền núi nhưng về cơ bản, các dân tộc Miền núi Phía Bắc vẫn duy trì các phương thức sản xuất truyền thống. Tuy vậy, ở một số vùng đã có sự xuất hiện của việc phát triển cây công nghiệp, trồng cây ngô và lúa giống mới có năng suất cao, mở rộng chăn nuôi đại gia súc và chú ý phát triển nghề dệt thổ cẩm truyền thống. Trong những năm gần đây để phát triển đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số Tỉnh Yên Bái đã xây dựng được các vùng sản xuất tập trung cung cấp nguyên liệu cho các ngành sản xuất chế biến nông lâm sản xuất khẩu như vùng chè với diện tích trên 12 nghìn ha; vùng quế với diện tích trên 30 nghìn ha; vùng cây ăn quả với diện tích 8.500 ha; vùng sản xuất cây sắn, ngô trên 40 nghìn ha và măng tre các loại trên 5 nghìn ha. Bên cạnh đó, chăn nuôi đại gia súc, gia cầm của tỉnh ngày càng phát triển với số lượng đàn gia súc không ngừng tăng theo các năm. Do kinh tế chính của người dân tộc thiểu số phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp nên người dân tộc thiểu số thường bị mất mát, thiệt hại nặng nề vì bão, lũ, sạt lở đất, rét đậm rét hại và hạn hán khiến nhà cửa, hoa màu vật nuôi bị chết và thất thu.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



PHẦN 2: HIỆN TRẠNG TRUYỀN THÔNG VỀ THIÊN TAI ĐỐI VỚI NGƯỜI DTTS

2.1 Khái niệm truyền thông

Truyền thông là quá trình liên tục trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm... chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm giữa hai hoặc nhiều người nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, thay đổi nhận thức, tiến tới điều chỉnh hành vi và thái độ phù hợp với nhu cầu phát triển của cá nhân, của nhóm, của cộng đồng và xã hội. Truyền thông cần được xem là một công cụ quan trọng, cơ bản tác động trực tiếp hoặc gián tiếp làm thay đổi thái độ, hành vi của con người trong cộng đồng từ đó thúc đẩy họ tự nguyện tham gia vào các hoạt động thích ứng, giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra.

2.2 Các chính sách về người DTTS và phòng chống thiên tai, BDKH

Chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay khá đầy đủ, toàn diện trên các lĩnh vực và phủ kín địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn. Hiện có khoảng 94 chính sách đặc thù hỗ trợ vùng dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn được thể chế qua 3 Nghị định, 1 Nghị quyết của Chính phủ và 90 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó tập trung vào 3 mục tiêu chính sau:

- Xóa đói, giảm nghèo
- Xóa mù chữ - Nâng cao nhận thức chung
- Chăm sóc sức khỏe – Vệ sinh môi trường
- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống
- Trong đó có một số chính sách đề cập trực tiếp đến vấn đề giáo dục , truyền thông đối với người dân tộc thiểu số

Vd: Quyết định số 2472/QĐ - TTG của Thủ tướng Chính phủ : Về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015.

Bên cạnh đó Trong những năm vừa qua vấn đề thiên tai và biến đổi khí hậu được Việt Nam đặc biệt quan tâm. Chúng ta đã có một bước chuyển biến lớn khi chuyển từ bị động đối phó sang chủ động phòng ngừa trong công tác giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra. Cùng với chuyển biến này công tác giáo dục, truyền thông về thiên tai và BDKH được chú trọng và đặc biệt quan tâm. Chủ trương đưa kiến thức quản lý rủi ro thiên tai vào chương trình đào của Trường học đã được cụ thể hóa tại:

- **Luật Phòng chống thiên tai**
- **Chiến lược Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai đến 2020**
- **Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng .**

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Vd: Quyết định số 4068/QĐ-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bên cạnh đó hiện nay nguồn ngân sách nhà nước cũng đang tích cực hỗ trợ cho các đề tài nghiên cứu chuyên sâu về phòng tránh và giảm thiểu rủi ro thiên tai cho người dân tộc thiểu số

Vd: Đề tài : “Nghiên cứu khả năng ứng phó với thiên tai và đề xuất giải pháp tổng thể nâng cao năng lực phòng tránh của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên” . Cơ quan chủ trì: Viên Dân Tộc, Ủy ban Dân Tộc

Trong quá trình tiến hành nghiên cứu chúng tôi không tìm thấy văn bản, chính sách đề cập riêng đến vấn đề giáo dục, truyền thông về thiên tai cho người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên vấn đề này lại được lồng ghép trong các chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số và chính sách phòng chống giảm nhẹ thiên tai và BDKH của Việt Nam.

2.3 Truyền thông về thiên tai cho người DTTS

2.2.1 Các bên tham gia công tác truyền thông thiên tai đối với người DTTS

<p>Các Bộ và các cơ quan liên quan cấp quốc gia Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai Ủy ban quốc gia Tìm kiếm cứu nạn Bộ Thông tin và Truyền thông - B.TTTT Bộ Giáo dục và Đào tạo - B.GDĐT Bộ Tài nguyên và Môi trường Ủy ban dân tộc Chính phủ Đài tiếng nói Việt Nam (ĐTNVN). Đài truyền hình Việt Nam (ĐTHVN) Đài truyền hình kỹ thuật số VTV Các tờ báo phát hành toàn quốc và các phương tiện thông tin đại chúng khác</p> <p>Các tổ chức phi chính phủ quốc tế Live&learn, UNDP, Oxfarm, Unicef, Unesco Recoft, AdPc, NOMAFSI, Fao v...</p> <p>Các tổ chức xã hội cấp quốc gia Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên ,Hội Chữ thập đỏ Việt Nam</p>	<p>Đối tượng tham gia cấp tỉnh Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Thủy lợi, đề điều và phòng chống lụt bão, cán bộ chịu trách nhiệm quản lý thuộc Cục quản lý đề điều và phòng chống lụt bão Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp tỉnh (BCH PCLB Tỉnh) Ban chỉ huy quân sự quân sự (Ủy ban tìm kiếm và cứu nạn) Sở Giáo dục và Đào tạo Sở Tài nguyên và Môi trường Các phương tiện thông tin đại chúng cấp tỉnh Tỉnh hội Chữ thập đỏ Hội Phụ nữ tỉnh Hội Nông dân tỉnh Đoàn Thanh niên tỉnh Các tổ chức phi chính phủ liên quan</p> <p>Đối tượng tham gia cấp địa phương/cộng đồng Ủy ban Nhân dân (UBND) xã Các tổ chức chính trị - xã hội Các doanh nghiệp, tổ chức tư nhân</p>
--	---

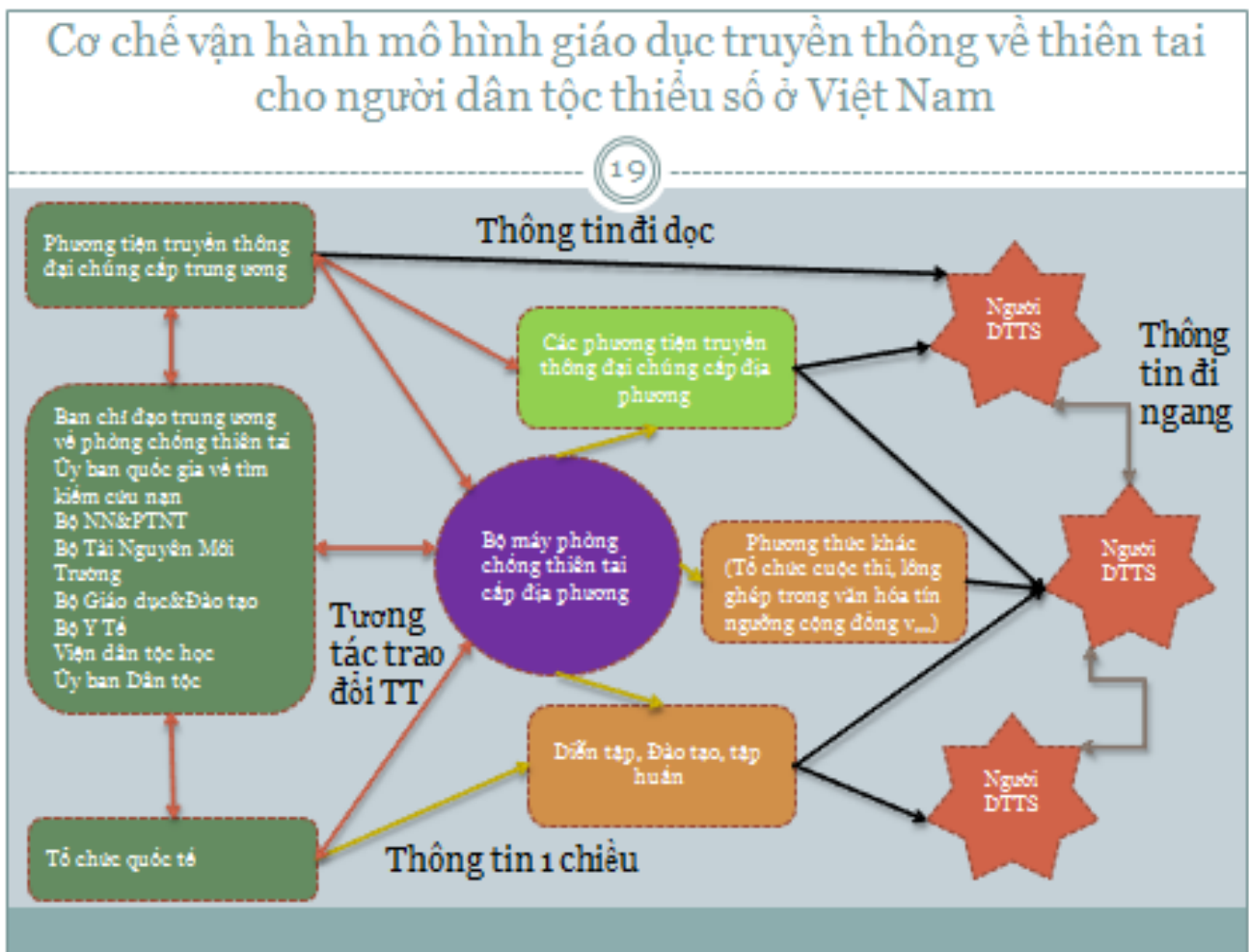
Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



	Các tình nguyện viên Chữ thập đỏ Giáo viên Trường thôn/bản Các tuyên truyền viên, Đại diện cộng đồng
--	--

Hiện nay công tác truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số đang đi theo hệ thống tuyên truyền chung của nhà nước theo ngành dọc từ trên xuống. theo đó các chủ trương, chính sách nhà nước và công tác tuyên truyền được thực hiện từ các đơn vị, tổ chức trung ương xuống cấp Tỉnh, Huyện, Xã và cuối cùng là Thôn bản. Trong hệ thống truyền thông này có sự tham gia phối hợp và hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức hoạt động tình nguyện trong nước.



Kết quả khảo sát thực tế từ các điểm nghiên cứu cho thấy , nơi chính quyền và ban ngành đoàn thể cấp xã, thôn, bản có sự định hướng, lập kế hoạch và triển khai thực hiện một cách bài bản thì kết

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



quả tuyên truyền các nội dung về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó đội ngũ tuyên truyền viên thôn bản có vai trò quan trọng quyết định đến hiệu quả truyền thông tại cộng đồng. Lý do là cán bộ cấp cơ sở, đặc biệt là những người có uy tín trong cộng đồng như già làng, trưởng bản là những người trực tiếp đưa thông tin đến người dân và có tiếng nói gần gũi nhất với người được tuyên truyền.

2.2.2 Nguồn thông tin truyền thông

Nguồn thông tin truyền thông về thiên tai nói chung ở Việt Nam rất đa dạng :

Truyền thông nâng cao nhận thức được cung cấp nguồn từ các cơ quan nhà nước và các tổ chức nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu.

Truyền thông trước, trong và sau thiên tai dựa trên nguồn thông tin từ trung tâm dự báo KTTVTW và các trung tâm dự báo KTTV khu vực, kết hợp với các thông tin hành động ứng phó của các cơ quan có trách nhiệm như Ban chỉ đạo trung ương về thiên tai, Ban chỉ huy phòng chống lụt bão các địa phương v...

Việc đổi mới, cải tiến bản tin khí tượng thủy văn, kết hợp với các đài khu vực và các trung tâm DBKTTV tỉnh, được tiến hành từ cuối năm 2009 đầu 2010 trên cơ sở rà soát lại tất cả các bản tin, trước hết là bản tin bão, lũ. Từ 2009 về trước, chỉ có một loại bản tin cho mọi đối tượng. Từ năm 2010, đã có hai loại bản tin khác nhau về cấu trúc, diễn đạt từ ngữ, cho các đối tượng khác nhau. Sẽ có thông tin dưới dạng bảng về dự báo bão từ 24, 48, và 72 giờ để dễ theo dõi. Mặt khác, kể từ mùa mưa bão năm nay 2011, đã phát huy vai trò của các trung tâm DBKTTV địa phương. Trước kia, bản tin dự báo bão của một số trung tâm DBKTTV tỉnh không khác gì mấy so với của trung ương, Nay bản tin dự báo phải làm rõ ảnh hưởng tác động đến địa phương một cách sát thực tế nhất trong khả năng có thể. Vd: Bản tin của trung ương dự báo cho cả nước thể dự báo khoảng ngày này, bão có thể ảnh hưởng đến các tỉnh này, mưa to có thể xảy ra trên diện rộng ở các khu vực lớn hoặc một số tỉnh, thành phố. Còn trung tâm DBKTTV địa phương sẽ làm rõ bão đổ bộ hoặc ảnh hưởng tới địa phương mình như thế nào như thời gian bắt đầu có gió mạnh, cấp và hướng gió, thời gian bắt đầu mưa và cường độ mưa, phân bố mưa trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan chỉ đạo địa phương phải coi bản tin của địa phương là chính thống, bên cạnh bản tin của trung ương.

Mặc dù đã có bản tin dự báo thời tiết cấp Tỉnh tuy nhiên đại là những bản tin dành cho đại chúng và hoàn toàn bằng tiếng Kinh kèm theo sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn khiến người DTTS không hiểu về nội dung thông tin truyền tải và sức nặng của thông tin không đủ để người DTTS ra quyết định hành động phòng chống thiên tai như chằng chống nhà cửa, thu hoạch hoa màu hay di tản khỏi nơi nguy hiểm.

2.2.3 Phương thức, công cụ, tài liệu và quy mô mạng lưới truyền thông đại chúng về thiên tai đối với người DTTS

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Phương thức	Công cụ	Tài liệu
Truyền hình VTV, VTC, VCTV và truyền hình địa phương	Tivi	Bản tin, phóng sự, phim tài liệu khoa học, tọa đàm, sự kiện, thông điệp ngắn.v...
Phát thanh VOV và phát thanh địa phương	Radio, Loa phát thanh thôn, bản	Bản tin, phóng sự, , tọa đàm, thông điệp ngắn.
Mạng internet Webside,báo điện tử, Facebook	Máy tính, Smartphone	Bản tin, phóng sự, tin nhắn, thông điệp
Diễn tập (Quy mô quốc gia và quy mô địa phương)	Trực tiếp	Tình huống diễn tập ứng phó với thảm họa
Đào tạo, tập huấn(Do các đơn vị nhà nước, tổ chức xã hội và tổ chức phi chính phủ đứng ra tổ chức)	Trực tiếp	Tờ rơi, Áp phích Truyện ngắn, tờ gấp Flip chart
Xe thông tin lưu động	Trực tiếp	Tin tức thiên tai và Những thông điệp ngắn gọn, dễ hiểu
Tổ chức các cuộc thi	Trực tiếp và gián tiếp	Làm thơ, viết văn, chụp ảnh, sáng tác nhạc, diễn kịch v....
Lồng ghép trong các hoạt động phát triển văn hóa, xã hội, kinh tế của địa phương.	Gián tiếp thông qua các kênh thông tin tuyên truyền chung của địa phương	Văn bản pháp luật

Tính đến ngày 26/12/2015, toàn quốc có 838 cơ quan báo chí in với 1.111 ấn phẩm, trong đó các cơ quan Trung ương có 86 báo, 507 tạp chí; địa phương có 113 báo, 132 tạp chí; có 70 báo điện tử, 19 tạp chí điện tử và 265 trang thông tin điện tử tổng hợp của các cơ quan báo chí. Mạng lưới phát thanh, truyền hình có 67 đài phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương, trong đó có 03 đài phủ sóng mặt đất toàn quốc, gồm có Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC; 64 đài phát thanh, truyền hình địa phương. Hiện tại, Việt Nam có 178 kênh chương trình phát thanh và truyền hình quảng bá, gồm 103 kênh chương trình truyền hình, 75 kênh chương trình phát thanh. Nhiều chương trình phát thanh truyền hình quốc gia và một số chương trình phát thanh, truyền hình quảng bá khác được phát sóng trên mạng Internet đến các khu vực và các nước trên thế giới phục vụ thông tin đối ngoại. Bên cạnh hệ thống truyền hình quảng bá, hệ thống truyền hình trả tiền tiếp tục được đầu tư, phát triển. Riêng 04 cơ quan báo hình lớn nhất của Việt Nam (Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC, Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội, Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh) đã sản xuất 73 kênh truyền hình trả tiền. Ngoài ra, trên hệ thống truyền hình trả tiền hiện có 75 kênh truyền hình nước ngoài phục vụ 4,4 triệu thuê bao trên toàn quốc.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



- Tỷ lệ thuê bao di động: 140 thuê bao/100 dân;
- Tỷ lệ người sử dụng Internet: 41% dân số;
- Tỷ lệ phủ sóng di động: 94%;
- Tỷ lệ số xã có máy điện thoại: 100%;
- Tỷ lệ phủ sóng phát thanh: trên 95% diện tích cả nước;
- Tỷ lệ phủ sóng truyền hình: trên 98% diện tích cả nước;
- Tỷ lệ xã có Điểm Bưu điện-Văn hoá xã: 98%;
- Sản lượng báo xuất bản hàng năm: 1.000 triệu bản;
- Mức hưởng thụ báo chí bình quân: trên 14 bản báo/người/năm;

Theo Báo cáo tổng kết năm 2015 của Bộ TT&TT

➤ **Công tác truyền thông về phòng chống thiên tai cho người dân tộc thiểu số của VTV**

31/12/2013 VTV cho ra mắt trung tâm truyền hình Thời tiết và Cảnh báo thiên tai . Hiện nay, Trung tâm đang sản xuất 23 bản tin thời tiết mỗi ngày và được phát sóng trên các kênh của VTV. Trước -, trong và sau khi thiên tai xảy ra , VTV thường phát sóng cập nhật nhiều lần trong 1 ngày. Bên cạnh đó VTV còn có nhiều chương trình về phòng chống tai và bảo vệ môi trường được phát sóng trên VTV1, VTV2, VTV5. Riêng VTV5 là kênh truyền hình tiếng dân tộc. Khi thiên xảy ra các bản tin cảnh báo được dịch ra tiếng dân tộc và phát sóng liên tục trên hệ kênh vtv5. (Mông, Khơ-me, Ê đê, Gia rai, Ba na, Xê đăng, Cồh, Thái, Chăm, Dao, M'ông...)Để phục vụ công tác thông tin cho người khiếm thính VTV cũng thực hiện các bản tin đặc biệt dành cho người khuyết tật với người nội dung được chuyển tải qua ngôn ngữ mô phỏng tiếng nói của người khiếm thính. Phát sóng Analog

➤ **Công tác truyền thông về phòng chống thiên tai cho người dân tộc thiểu số của VTC**

Năm 2010 VTC cho ra mắt kênh truyền hình phòng chống thiên tai . Đây là kênh truyền hình chuyên biệt đầu tiên ở Việt Nam thay vì các kênh tổng hợp. Nội dung kênh VTC 14 bao gồm các chương trình về thời tiết, môi trường, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, an toàn giao thông... nhằm nâng cao nhận thức người dân về biện pháp ngăn chặn ô nhiễm, bảo vệ môi trường; cung cấp kỹ năng đối phó với tình huống khẩn cấp nhằm giảm thiểu rủi ro, tai nạn, chăm sóc sức khỏe để phòng tránh dịch bệnh... Kênh VTC 14 phát sóng 24/24h từ ngày 1-1-2010. Thời lượng phát sóng 24/24h. Phát sóng Analog

Đài truyền hình các tỉnh phát sóng lại tin tức quốc gia 2 lần trong 1 ngày và nhiều kênh trong số đó tự sản xuất chương trình dự báo thời tiết, dựa trên các thông tin từ Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia.

➤ **Công tác truyền thông về phòng chống thiên tai cho người dân tộc thiểu số của VOV**

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Đài TNVN mỗi ngày có hàng chục chương trình phát thanh bằng 12 thứ tiếng dân tộc thiểu số và hiện đang gấp rút chuẩn bị để sớm đưa vào vận hành kênh phát thanh dân tộc quốc gia. Trên trang web vov4.vn, đã đăng tải toàn bộ nội dung các chương trình phát sóng của 12 thứ ngôn ngữ này hàng ngày. Mặc dù vẫn chưa có chương trình dành riêng cho thiên tai, nhưng những thông tin về thiên tai vẫn được lồng vào các chương trình phát sóng thường xuyên khác, như chương trình sức khỏe, giáo dục và chương trình phụ nữ. Khi thiên tai xảy ra thông tin cảnh báo được nhắc đi nhắc lại nhiều lần và lồng ghép trong các chương trình phát sóng trong ngày.

➤ **Công tác truyền thông về phòng chống thiên tai cho người dân tộc thiểu số của Đài phát thanh địa phương:**

Nội dung phát thanh tin tức thời sự, văn hóa, văn nghệ, và phòng chống thiên tai khi thảm họa thiên tai xảy ra. Hầu hết các đài phát thanh-truyền hình cấp tỉnh cũng thường xuyên phát các chương trình bằng tiếng dân tộc thiểu số phục vụ đồng bào trên quê hương mình. Nội dung được lấy từ nội dung phát thanh cấp Cấp Tỉnh và Huyện và một số ít tự biên tập

➤ **Công tác truyền thông về phòng chống thiên tai cho người dân tộc thiểu số của Báo in và báo Điện tử**

Hiện nay toàn quốc có 838 cơ quan báo chí in với 1.111 ấn phẩm, trong đó các cơ quan Trung ương có 86 báo, 507 tạp chí; địa phương có 113 báo, 132 tạp chí; có 70 báo điện tử, 19 tạp chí điện tử và 265 trang thông tin điện tử tổng hợp của các cơ quan báo chí. Các cơ quan báo chí này hoạt động truyền thông về thiên tai theo nguyên tắc. Đi bài cảnh báo thảm họa có thể xảy ra như vỡ đê, hồ đập chừa (trước khi vào mùa mưa bão), cháy rừng (trước mùa khô)Đưa thông tin liên tục trước , trong và sau khi thiên tai xảy ra.Các báo chủ lực: Thông Tấn Xã Việt Nam, Thanh Niên, Tiền Phong, Lao Động, Tuổi Trẻ, Dantri.com, Vnexpress.net, Vietnamnet.vn v...

➤ **Công tác truyền thông về phòng chống thiên tai cho người dân tộc thiểu số trên Mạng di động**

Tỷ lệ thuê bao di động: 140 thuê bao/100 dân

Một số mạng điện thoại di động cũng đã cho chương trình chủ động thông tin cho người dân về tình hình mưa bão thông qua tin nhắn điện thoại. Tuy nhiên hoạt động này mới dừng ở các mô hình thí điểm chưa được phổ biến rộng rãi.

Dẫn chứng:

“Sáng kiến sử dụng điện thoại di động để cảnh báo và chia sẻ sớm các thông tin về thiên tai do Tổ chức ActionAid và Microsoft Việt Nam phối hợp triển khai thử nghiệm tại 3 xã Tân Hưng, Tân Hạnh và Châu Khánh của huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng trong hai năm 2014 – 2015”.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Ưu điểm: Thông tin cụ thể, phù hợp văn hóa địa phương

Nhược điểm: Đầu tư chi phí hạ tầng tương đối lớn khoảng 2.7 tỷ đồng/ xã chưa bao gồm máy điện thoại của người dân

Viettel đã gửi tin nhắn cho khoảng 5 triệu khách hàng ở các tỉnh dự kiến bão Kalmaegi đổ bộ để cảnh báo về cường độ và đường đi của cơn bão giúp người dân phòng tránh, giảm thiểu các thiệt hại về người và tài sản.

Ưu điểm: Dựa trên hạ tầng sẵn có

Nhược điểm: thông tin chung chung không cụ thể từng địa phương

➤ **Công tác truyền thông về phòng chống thiên tai cho người dân tộc thiểu số trên Mạng xã hội**

Facebook đang trở thành những kênh thông tin hàng đầu của người trẻ và thế hệ tương lai. Hiện nay qua mạng xã hội mọi người có thể chia sẻ thông tin, làm quen, lan truyền thông điệp chỉ trong 1 vài s. Trong 3 năm gần đây rất nhiều người dân Việt Nam đã chia sẻ thông tin về thiên tai trên mạng xã hội với mục đích cung cấp thông tin và tình hình thiên tai cho người thân ở vùng bị thiên tai hoặc kêu gọi cứu trợ nhân đạo.

*(Thống kê cho thấy tại Việt Nam mỗi tháng có tới 30 triệu người dùng Facebook, trong đó có 27 triệu người có sử dụng các thiết bị di động để truy cập mạng xã hội này. Nếu tính trên phạm vi hàng ngày, số người truy cập Facebook nói chung và số người truy cập Facebook qua di động nói riêng lần lượt là 20 triệu và 17 triệu người.. Những con số như 20 triệu người dùng hàng ngày, 2,5 giờ trung bình mỗi ngày được dành ra để sử dụng Facebook... cho thấy **mạng xã hội** này vẫn chưa có bất kì đối thủ nào xứng tầm tại Việt Nam.)*

Hiện nay Việt Nam có đầy đủ các loại hình phương tiện truyền thông đại chúng phục vụ cho công tác truyền thông về thiên tai nói chung và cho người dân tộc thiểu số nói riêng. Dệ thống này có bề rộng về quy mô tương đương với các quốc gia trong khu vực như Thái Lan và Philippines Nội dung truyền thông phong phú và đáp ứng nhu cầu của người dân cả Trước – Trong và Sau khi Thiên Tai xảy ra. Chúng ta có đội ngũ BTV , PV nhiệt tình, năng động và một phần trong số đó có kiến thức về thiên tai vững vàng. Đội ngũ này hiện nay tập trung chủ yếu tại Trung tâm Thời tiết và cảnh báo Thiên Tai – Đài truyền hình Việt Nam và Kênh phòng chống Thiên Tai – Đài truyền hình KTS VTC. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm kể trên Thông tin cảnh báo về Thiên tai của chúng ta khi phát trên các phương tiện thông tin đại chúng vẫn còn tồn tại những yếu điểm cần khắc phục như cách diễn đạt các dự báo cảnh báo với nhiều từ ngữ chuyên môn gây khó hiểu cho người nghe, công tác dự báo còn thiếu chính xác, chưa có sự khác biệt về nội dung và chi tiết cụ thể giữa bản tin dự báo thời tiết trung ương và địa phương nên thông tin còn chung chung.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



2.2.4 Thông điệp truyền thông

Thông điệp là thông tin cần truyền đi đã được mã hoá dưới dạng ngôn ngữ nào đó như: hội họa, điêu khắc, lời văn, thi ca, nhạc điệu, ánh sáng, biểu tượng...(hội họa, âm nhạc, văn học nghệ thuật). Phải tùy theo đối tượng nhận tin, phương tiện truyền thông mà lựa chọn ngôn ngữ phù hợp. Yêu cầu đối với nội dung thông điệp là phải ngắn gọn, lượng thông tin cao, mang tính nghệ thuật, phù hợp với đối tượng nhận tin về tâm lý, thị hiếu, văn hoá, về thời gian và không gian nhận tin. Những yêu cầu này sẽ đảm bảo tính hiệu quả của chương trình truyền thông.

Kết quả quá trình nghiên cứu cho thấy hiện nay công tác truyền thông thiên tai cho người DTTS rất chú trọng đến các thông điệp truyền thông trong quá trình nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó thiên tai cho người DTTS. VD:

Trong đề tài nghiên cứu truyền thông thiên tai cho người Dân tộc tại chỗ Tây Nguyên Viện Dân Tộc Học đã sáng tạo ra nhiều loại hình tư liệu truyền thông nhằm truyền tải thông điệp bảo vệ thiên nhiên, không chặt phá rừng đầu nguồn (*Trò chơi đố xúc xắc và trả lời câu hỏi trên cây Thiên Tai*)

Live&Learn đã lồng ghép các thông điệp phòng chống, giảm nhẹ thiên tai vào ác tiết học và tài liệu giáo dục của trẻ em người DTTS thông qua hình thức vẽ tranh, kể chuyện và chơi trò chơi mang lại hiệu quả tích cực giúp nâng cao nhận thức của các em học sinh về thiên tai.

Tuy nhiên những hoạt động này chưa được truyền thông một cách thường xuyên, liên tục và hạn chế ở một số vùng có dự án. Xét trên bức tranh tổng thể về hoạt động phòng chống thiên tai đối với người DTTS thì thông điệp truyền thông dành riêng cho nhóm đối tượng này còn thiếu và chưa được chú trọng nhiều. Hiện nay các phương tiện truyền thông đại chúng như báo, đài, tivi chưa truyền tải thường xuyên những thông điệp riêng về thiên tai cho người DTTS ở cả 4 giai đoạn giáo dục thường xuyên, trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

2.3 Đánh giá tác động thực tế của các phương tiện truyền thông đại chúng đối với người dân tộc thiểu số.

2.3.1 Các kênh truyền thông hiệu quả trong công tác giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và hành vi của cộng đồng về thiên tai.

- ***Phương thức truyền thông hiệu quả:*** Truyền hình, phát thanh, giáo dục trong trường học, đào tạo, tập huấn, họp thôn bản, các cuộc thi, sinh hoạt văn hóa cộng đồng
- ***Tài liệu truyền thông hiệu quả:*** Video, clip, sách, truyện, tranh ảnh, biên cảnh báo, bản tin thôn v...
- ***Nội dung truyền thông:*** Kế hoạch hành động ứng phó thiên tai cấp địa phương, Dấu hiệu nhận biết rủi ro thiên tai có thể xảy ra, Các biện pháp phòng chống thiên tai, Kỹ năng ứng phó thiên tai

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



“Em có được học ở trường rồi, là đất đá trên núi bị mưa xói mòn nên bị lở ra thôi. Nghe từ người già trong bản như chuối nước nở hoa là mưa to, cỏ gà chuyển trắng là già làng nói thế”.

Em Giàng Thị Mỹ (15 tuổi) Xã Nậm Có, Huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái

Hộp số liệu điều tra (350 người)	
Đào tạo trong trường học	86%(28 người)
Sinh hoạt văn hóa cộng đồng	68%
Truyền hình	44%
Phát thanh	32%
Tập huấn	18%

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác nâng cao nhận thức người dân tộc thiểu số về thiên tai cần dựa vào các hoạt động liên quan đến giáo dục trong nhà trường và tín ngưỡng, văn hóa truyền thống của các dân tộc. Khi thiên tai chưa xảy ra đa phần người dân tộc thiểu số không quan tâm đến các chương trình hướng dẫn kỹ năng cũng như thông tin biến đổi khí hậu trên các phương tiện truyền thông đại chúng mà quan tâm đến các chương trình văn hóa, giải trí, đặc biệt là phim truyện buổi tối.

2.3.2 Các kênh truyền thông hiệu quả Trước, Trong và Sau khi thiên tai xảy ra với người dân tộc thiểu số

2.3.2.1 Trước khi thiên tai xảy ra

- **Kênh thông tin hiệu quả:** Dân địa phương thường thu thập các thông tin này qua các đài truyền hình quốc gia/tỉnh và các loa phát thanh xã;
- **Tài liệu truyền thông:** *Bản tin thời sự, chương trình dự báo thời tiết*
- **Nội dung truyền thông:** bao gồm các thông tin về sự di chuyển/vị trí của các loại thiên tai, cảnh báo về các mối đe dọa/nguy hiểm được dự báo trước/tiềm tàng của chúng và các tác động đến cộng đồng (con người, đời sống, tài sản...), và các yêu cầu chung nhằm giảm nhẹ và ngăn ngừa thiên tai.

“Có nghe chính quyền phổ biến và xem tivi nên biết, nhưng không biết được hạn bị kéo dài.”

Ngân Văn Bùi (30 tuổi). Dân tộc Thái. xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Hộp số liệu điều tra (350 người)	
Truyền hình	88%
Phát thanh	72%

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Hệ thống truyền thanh thôn bản	45%
Báo in + báo điện tử	10%
Mạng xã hội	6%

Khi thiên tai xảy ra người dân tộc thiểu số thường nhận được các cảnh báo về thảm họa thiên tai sắp xảy đến thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình, trong đó tập trung vào thông tin, diễn biến thiên tai và các phương án bảo vệ tài sản, tính mạng. Tuy nhiên, phần lớn người dân còn chủ quan với thông tin thiên tai do các cảnh báo đưa ra thiếu cụ thể và khó hiểu đối với trình độ nhận thức của người dân tộc thiểu số. Nhiều người dân chỉ cho biết chỉ thực hiện các phương pháp phòng chống thiên tai như : Chăng chống nhà cửa, thu hoạch hoa màu, tích trữ lương thực và sơ tán khi có thông tin từ chính quyền địa phương hoặc người có uy tín trong thôn.

2.3.2.2 Trong khi thiên tai xảy ra

- **Kênh thông tin hiệu quả:** Truyền tin từ nhà này sang nhà khác bằng loa cầm tay , Chiêng, tù và, người đại diện xã đến tận thôn bản. Thông qua các kênh truyền hình, phát thanh (trong trường hợp không bị mất điện).
- **Tài liệu truyền thông:** *Bản tin thời sự, chương trình dự báo thời tiết, các bản tin do thôn xã tự biên soạn dựa vào bản tin thời sự quốc gia và hình ảnh diễn biến thiên tai tại địa phương.*
- **Nội dung truyền thông:** cung cấp thông tin về di chuyển hiện tại của thiên tai, đánh giá thiệt hại ban đầu và các hoạt động ứng cứu khẩn cấp (thường được đưa ra bởi các lãnh đạo xã và thành viên của Ủy ban Phòng chống Lụt bão) chẳng hạn như di rời trẻ em và người già đến các điểm an toàn hơn;

“Chủ yếu là xem tivi, loa phát thanh thôn thì có nhưng trời mưa hay trực trực lắm ,giè không nghe được” Giàng Tả Pin (45 tuổi) – Chiềng Cang , Sông Mã, Sơn La.

Hộp số liệu điều tra (350 người)	
Truyền hình	92%
Phát thanh	84%
Điện thoại	52%
Truyền tin trực tiếp	25%

Trong nhiều tình huống khi thiên tai xảy ra sẽ kèm theo mất điện dẫn đến việc người dân không tiếp nhận được thông tin về diễn biến thời tiết lúc này sử dụng điện thoại di động để liên lạc với chính quyền địa phương, người thân , gõ keng, chiêng báo hiệu được xem là phương án hữu hiệu

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



giúp người bị cô lập bởi thiên tai tìm được thông tin và sự hỗ trợ từ cộng đồng và chính quyền địa phương.

2.3.2.3 Khắc phục hậu quả sau thiên tai

Kênh truyền thông hiệu quả: Thông qua truyền hình, các loa phát thanh và các buổi họp xã, Họp dân tại thôn bản

Tài liệu truyền thông: văn bản, số liệu của địa phương và nội dung do địa phương biên soạn

Nội dung truyền thông: thông tin về các thiệt hại về người và tài sản, kêu gọi ứng cứu và ủng hộ cho các nạn nhân của thiên tai, các yêu cầu được gửi đến các tổ chức xã hội như thanh niên, dân quân tự vệ, lãnh đạo xã để tiến hành các hoạt động giúp đỡ các nạn nhân, sửa chữa cơ sở hạ tầng bị hư hỏng trong phạm vi xã/làng (ví dụ trường học, đường xá...)

“Sau thiên tai chúng tôi thường sử dụng loa phát thanh và tổ chức họp ở các thôn, bản để thông báo tình hình thiệt hại của địa phương và hướng dẫn bà con cách đề phòng dịch bệnh sau lũ và khôi phục sản xuất.”

Lò Văn Hưng (36 tuổi) – Cán bộ xã Nậm Cỏ, Mù Cang Chải, Yên Bái

Hộp số liệu điều tra (350 người)	
Phát thanh thôn bản	88%
Họp thôn, xã	84%
Truyền hình	68%
Truyền tin trực tiếp	15%

Sau thiên tai phương thức truyền thông tốt nhất là sử dụng loa phát thanh thôn hoặc họp thôn bản (*trong trường hợp địa hình không bị chia cắt*) vì những thông tin đưa ra trong cuộc họp bám sát với thiệt hại và tình hình sau thiên tai của từng địa phương. Lúc này chính quyền cấp xã sẽ đưa ra những giải pháp và hỗ trợ cho người dân. Những thông tin về thiệt hại của các địa phương được đưa trên các phương tiện truyền thông đại chúng lúc này đối với người dân chủ yếu là nghe cho biết và mang tính tham khảo vì mọi người lúc này còn phải khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

2.3.3 Những thông điệp truyền thông được người DTTS yêu thích

Trong 350 người tham gia khảo sát có trên 57% số người được hỏi cho rằng việc lồng ghép những thông điệp truyền thông thiên tai và các hoạt động văn hóa cộng đồng như :

Lễ cầu mưa của người dân tộc Chăm – Ninh Thuận và người Lô Lô – Hà Giang

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Lễ hội Ok om bok của đồng bào Khmer - Sóc Trăng

Lễ hội Lòng tòng của đồng bào Tày, Nùng phía Bắc

Lễ Nào Công các làng người Mông, người Dao, người Giáy ở Mường Hoa – Sapa

Đây là các lễ hội truyền thống cầu xin mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu của người DTTS. Tại các lễ hội này các già làng thường truyền kinh nghiệm về xem thời tiết và ứng phó thiên tai cho con cháu, người dân trong lòng thông qua các câu chuyện, sử thi, điệu múa và lễ cúng dân tộc. Những thông điệp này được truyền đi 100% bằng tiếng nói riêng của từng dân tộc.

2.4. Vai trò của địa phương và cộng đồng đối với truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số.

2.4.1 Vai trò của địa phương trong việc phòng tránh, ứng phó với thiên tai

Kết quả nghiên cứu thực địa cho thấy chính quyền địa phương đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc phòng tránh và giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra. Trong đó vai trò của chính quyền địa phương trong công tác truyền thông thiên tai thể hiện ở cả 3 giai đoạn Trước – Trong – Sau khi thiên tai xảy ra.

Trước khi thiên tai xảy ra: Những thông tin sớm nhất về cảnh báo thiên tai được đưa đến cho người DTTS là thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như Tivi, phát thanh trung ương. Tuy nhiên những thông tin này thường là những thông báo mang tính khu vực và không chi tiết, cụ thể dẫn đến việc người dân chủ quan, coi thường. 78% trong số 350 người tham gia khảo sát trả lời chỉ áp dụng các bước ứng phó thiên tai như chằng chống nhà cửa, thu hoạch hoa màu khi có khuyến cáo của chính quyền địa phương. 100% số người khảo sát chỉ di dời để nơi an toàn khi có sự hướng dẫn của các lực lượng chức năng. Điều này khẳng định vai trò truyền thông tin trước thiên tai của chính quyền địa phương là vô cùng quan trọng

Trong khi thiên tai xảy ra: Khi thiên tai xảy ra thường các khu dân cư bị ngập, chia cắt và có thể mất điện. Chính vì vậy lúc này người DTTS sẽ khó tiếp cận nguồn thông tin từ các phương tiện truyền thông đại chúng mà phụ thuộc rất nhiều vào nguồn thông tin và cách đưa thông tin của chính quyền địa phương đến với mình

Sau khi thiên tai xảy ra: nguồn thông tin có giá trị nhất mà người DTTS muốn có là cách khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất và mức hỗ trợ của nhà nước. Nguồn thông tin này được chính quyền địa phương đưa ra dựa trên thiệt hại thực tế của địa phương thông qua các kênh thông tin truyền thông của địa phương như Truyền hình, phát thanh địa phương, họp thôn bản v....

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



2.4.2 Vai trò của cộng đồng trong việc phòng tránh, ứng phó với thiên tai

Cộng đồng dân tộc thiểu số đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do tác động của biến đổi khí hậu cả về môi trường, đời sống văn hóa tinh thần, sức khỏe và kinh tế như: sạt lở đất, nhà cửa, ruộng vườn bị nước cuốn trôi, khu vực canh tác bị lấp sỏi đá do lũ quét, sa mạc hóa, các công trình hạ tầng phục vụ đời sống và sản xuất bị phá hủy, rừng bị cháy do khô hạn, thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất, mất mùa, hạn hán, sâu hại, bệnh dịch, văn hoá của cộng đồng bị mai một, bệnh tật, người chết và mất tích do thiên tai,... tất cả đều diễn ra ngày càng mạnh hơn, tần suất nhiều hơn vào những năm gần đây. Những nguy cơ ngày một lớn mà thiên tai có thể gây ra cho người DTTS đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng nâng cao năng lực ứng phó thiên tai cho nhóm đối tượng này. Truyền thông nâng cao nhận thức là phương pháp hữu hiệu để nâng cao năng lực ứng phó thiên tai cho người DTTS tuy nhiên công tác truyền thông sẽ không có hiệu quả nếu không được thực hiện thường xuyên, liên tục. Muốn như vậy chúng ta cần đến sức mạnh và vai trò của cộng đồng để thông tin được truyền từ nhóm đối tượng này sang nhóm đối tượng khác, gia đình này sang gia đình khác. Ví dụ: Trong đợt hạn 2016 Tại Bắc Ái – Ninh Thuận mô hình truyền thông cộng đồng đã tỏ rõ tính hiệu quả khi giải pháp đào ao cộng đồng được người dân hưởng ứng thực hiện và lan rộng ra cả khu vực giúp cứu nhiều diện tích trồng nho và hoa màu khỏi thất thu vì thiếu nước nghiêm trọng.

2.3.3 Vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản trong việc phòng tránh, ứng phó với thiên tai

Năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 06/CT-TTg về “phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” về “phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Bằng sự gương mẫu đi đầu với kinh nghiệm, trách nhiệm và uy tín của mình, già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đã tập hợp, đoàn kết đồng viên các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, thực hiện công tác dân số, bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng các mô hình phát triển kinh tế, tích cực đấu tranh với tiêu cực, tệ nạn xã hội, xóa bỏ các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, vận động quần chúng tham gia các phong trào giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần tăng cường củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng

4/4 xã tiến hành nghiên cứu : chính quyền địa phương đều coi trọng vai trò của của già làng trưởng bản. Trên thực tế tại các xã này những người có uy tín trong cộng đồng đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa chính quyền cấp xã và người dân.

Hộp kết quả khảo sát
98% người DTTS tham gia khảo sát đều khẳng định có mối liên hệ về đời sống văn hóa, kinh tế với người có uy tín trong thôn bản

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



76% các già làng trưởng bản tích cực tham gia công tác tuyên truyền, vận động liên quan đến thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và chống xói mòn đất

100% các già làng có kiến thức bản địa liên quan đến phòng tránh, giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra

Tại Mù Cang Chải - Yên Bái, việc truyền đạt thông tin giữa các cấp lãnh đạo xã và người dân khá yếu do địa hình. Nghiên cứu này cho thấy rằng phần lớn dân “thường”, nhất là phụ nữ, không biết rõ về các lãnh đạo/quan chức và hệ thống chính quyền địa phương. Đối với họ, nguồn thông tin đáng tin và được tin nhiệm nhất là người phụ trách quản lý làng (cũng được biết đến như trưởng làng/thôn).

Già làng, trưởng bản và người có uy tín trong cộng đồng cần được xem là lực lượng nòng cốt trong công tác truyền thông phòng chống và giảm nhẹ hậu quả của thiên tai đối với người dân tộc thiểu số. Cần phải tìm điểm kết nối giữa tri thức bản địa và những kiến thức khoa học đã được kiểm chứng để từ đó mang đến người được truyền thông những thông tin chính xác nhưng gần gũi và dễ ghi nhớ. Với sự ủng hộ của những người có uy tín trong cộng đồng chúng ta hoàn toàn có thể đưa công tác phòng thiên tai trở thành một phần trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân tộc thiểu số như bao đời nay lễ cầu mưa hay cúng giàng vẫn tồn tại trong đời sống văn hóa các dân tộc với sức sống mãnh liệt.

2.4 Công tác đào tạo, tập huấn kiến thức về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai cho người DTTS

2.4.1 Hệ thống nhà nước

Giai đoạn 2009 – 2015 Bộ NN&PTNT đã tổ chức đào tạo giảng viên cấp tỉnh. Tính đến tháng 12/2015, đã đào tạo được 1219/1439 giảng viên cấp tỉnh, đạt gần 85%. Các cán bộ sau khi được đào tạo, tập huấn sẽ trở thành đội ngũ nòng cốt triển khai Đề án xuống cấp dưới. Đào tạo thí điểm đội ngũ giảng viên cấp Huyện, tập huấn cho cán bộ tại cấp xã: tiến hành đào tạo cho 15 huyện với 106 cán bộ và 59 cán bộ cấp xã của tỉnh Kiên Giang; nội dung thực hiện tại cấp xã là Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực của cộng đồng và thiết lập bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ.

THEO BÁO CÁO TÌNH HÌNH 5 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG” – GIAI ĐOẠN 2009-2015

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Thành đoàn Tam Kỳ, Quảng Nam phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố tổ chức tập huấn kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho cán bộ, Đoàn – Hội viên xã Tam Thanh.

2.4.2 Các tổ chức quốc tế

Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện đang có 67 dự án do các tổ chức Quốc tế thực hiện về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn 704 xã của 43 tỉnh, thành phố tập trung chủ yếu tại khu vực miền Trung và miền Nam. Các dự án trên đang góp phần quan trọng vào nỗ lực chung và đang tạo ra các mô hình tốt, nhất là các bài học về xây dựng hợp tác đối tác cùng thực hiện giữa tổ chức quốc tế, chính quyền và người dân. Theo báo cáo cập nhật chưa đầy đủ của địa phương và từ các tổ chức Phi chính phủ, tính đến tháng 12/2014, một số hoạt động về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được thực hiện trên địa bàn 1.677 xã, trong đó có 1.320 xã đã lập Kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng và 168 xã có bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ.

THEO BÁO CÁO TÌNH HÌNH 5 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG” – GIAI ĐOẠN 2009-2015



Trong khuôn khổ hỗ trợ của Chương trình Liên hiệp quốc (UNDP), từ ngày 16/9 đến 03/10/2015 tại tỉnh Thừa Thiên Huế Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai phối hợp với Trung ương hội Chữ thập đỏ tổ chức lớp tập huấn hướng dẫn Lập kế hoạch Phòng chống thiên tai cấp xã cho các xã điểm.

2.5 Bình đẳng giới trong công tác truyền thông cho người dân tộc thiểu số

Cấu trúc xã hội người DTTS thể hiện rõ nét sự khác biệt về giới Điều này được phản ánh trong những vai trò và cơ hội sản xuất và tái sản xuất khác nhau của phụ nữ và nam giới trong hộ gia đình, dòng họ, cộng đồng, nơi làm việc cũng như quá trình ra quyết định và các tổ chức. Theo kết quả khảo sát mới đây của Hội LHPNN, định kiến về giới trong cộng đồng người dân tộc thiểu số vẫn còn cao. Trong các gia đình có bạo lực, phụ nữ vẫn là nạn nhân chính; vẫn còn phụ nữ mù chữ và có hiện tượng tái mù chữ; rất nhiều phụ nữ không kiếm được việc làm phù hợp và thu nhập ổn định như nam giới; thời gian làm việc của phụ nữ luôn cao hơn đàn ông. Sự khác biệt về giới được thể hiện ở nhiều khía cạnh bao gồm:

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



- Vai trò sản xuất trong các loại hình lao động chính thức và không chính thức (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, v.v...)
- Khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn thông tin và nguồn lực (đất, nước, v.v...)
- Vai trò trong gia đình (sinh đẻ, chăm sóc gia đình, v.v...)
- Quyền lực trong việc ra quyết định trong gia đình và ngoài cộng đồng .

Khác biệt giới trong đời sống của người DTTS được phản ánh trong một số khía cạnh sau:

Trong hoạt động sản xuất: Ở khu vực tiến hành nghiên cứu, 92 phần trăm phụ nữ so với 68 phần trăm nam giới tham gia vào sản xuất nông nghiệp, và phải đối mặt với các rủi ro về mất mùa do hạn hán và mưa bất thường. Biến đổi khí hậu cũng góp phần làm cho nguồn nước trở nên bấp bênh hơn, điều này làm tăng thêm gánh nặng công việc của phụ nữ trong việc tham gia vào công việc đồng áng qui mô nhỏ, do họ phải bỏ nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị đất, lấy nước, tưới nước và bảo vệ mùa màng khỏi sâu bệnh Sự phụ thuộc cao vào tài nguyên đất và tài nguyên thiên nhiên cho các hoạt động sinh kế đã khiến cho một số phụ nữ dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu hơn . Tại Ninh Thuận công việc đào ao, hồ trữ nước trên đất của gia đình được người đàn ông thực hiện còn việc đi lấy nước ở các điểm xa có khi đến hàng chục km được phụ nữ và trẻ em thực hiện . Để lấy được nước những người phụ nữ dân tộc Chăm phải đi có khi đến cả 5km dưới cái nắng nóng oi bức.

Trách nhiệm chăm sóc gia đình, cộng đồng: Phụ nữ người Mông và Dao – Miền núi phía Bắc phải gánh vác rất nhiều trách nhiệm chăm sóc trong hộ gia đình, không chỉ cho con cái, cho chồng và cho những người thân khác trong gia đình mà còn chăm sóc cả hàng xóm, người già và người ốm đau trong cộng đồng. Phụ nữ thường gặp nhiều khó khăn trong việc cung cấp thức ăn và chăm sóc người khác khi thiếu thốn các nguồn lực. Thậm chí đây còn là nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình mà người chịu thiệt thòi là phụ nữ.

Sở hữu tài sản: Khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên đất và các dịch vụ của phụ nữ cũng thấp hơn hẳn nam giới người DTTS: Phụ nữ đứng tên 8% Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng Đất, trong khi nam giới chiếm 73% và 19% là đồng sở hữu (VHLSS, 2008) . Việc phụ nữ có ít quyền về đất đai, tài sản hơn đã cản trở họ tiếp cận với các nguồn tín dụng nhằm đa dạng hóa các nguồn thu nhập và việc phục hồi sau mất mát. Thiếu khả năng tiếp cận với các nguồn lực, tín dụng, thị trường và các dịch vụ mở rộng đã khiến cho phụ nữ ít quyền quyết định trong công việc sản xuất, kinh doanh của gia đình và cách thức chi tiêu thu nhập của gia đình.

Khả năng tiếp nhận thông tin và tiếp thu kiến thức mới: Việc tham dự các cuộc họp của thôn, phường hoặc xã thường được coi là công việc của nam giới. Phụ nữ có xu hướng chỉ tham dự các cuộc họp chung về GNRRTH/TU'ĐKH tại cộng đồng khi nam giới bận hoặc vắng mặt.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Quyền ra quyết định trong cộng đồng: Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào Hội đồng Nhân dân địa phương tuy đáng kể nhưng vẫn còn hạn chế: 23,8 % ở cấp tỉnh, 23,2 % ở cấp quận/huyện và 20 % ở cấp xã (Ngân hàng Thế giới, 2011). Phụ nữ tham gia vào Ban Chỉ huy Phòng chống Lụt Bão chỉ giới hạn quanh việc chăm sóc trẻ em và cấp phát lương thực; phụ nữ thường không được tham dự vào việc ra quyết định

Anh Nguyễn Thành Tú, một cán bộ lâm nghiệp huyện Mù Căng Chải cho biết: *“Tôi sống ở đây lâu mới thấy bà con đồng bào dân tộc thiểu số vốn có nhiều ưu điểm, song đúng là về việc thực hiện bình đẳng nam nữ thì quá nan giải. Chỉ đơn cử một việc rất nhỏ như việc tham gia các cuộc họp dân, đương nhiên phải là người đàn ông trong gia đình, bởi họ là chủ nhà, cộng đồng mặc nhiên thừa nhận thế. Như vậy họ là người đầu tiên được nâng cao nhận thức, được tiếp cận với những kiến thức mới. Thế nhưng những chia sẻ của họ đối với vợ trong việc nhà, chăm sóc con cái, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em... nói chung là rất hạn chế; việc tạo điều kiện cho vợ, con gái học tập nâng cao nhận thức hay tham gia các hoạt động cộng đồng còn khó khăn hơn...”*. Từ thực tế trên có thể thấy, sự bất bình đẳng giới khiến phụ nữ có ít cơ hội được tiếp cận tri thức mới của cuộc sống nói chung và kiến thức về phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai nói riêng. Điều này đồng nhất với kết quả nghiên cứu, khảo sát của nhóm nghiên cứu khi tỷ lệ phụ nữ có kiến thức và kỹ năng phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới khá nhiều. Hơn nữa phụ nữ lại có sức khỏe kém hơn so với nam giới nên sẽ là đối tượng dễ bị tổn thương hơn khi thiên tai xảy ra

Hộp kết quả khảo sát

100% Nam giới người DTTS tham gia khảo sát có thể chỉ rõ ít nhất 2 mối nguy về thiên tai tại nơi mình sinh sống trong khi con số ở đối tượng nữ giới là 72%

76% Nam giới người DTTS tham gia khảo sát có kỹ năng chằng chống nhà cửa, thu hoạch hoa màu, bảo vệ gia súc và biết bơi trong khi con số này ở phụ nữ là 46%

88% Nam giới người DTTS tham gia khảo sát tham gia họp dân, thôn bản ít nhất là 3 lần 1 năm trong khi con số này ở phụ nữ là 32%

2.5 Những vấn đề đặt ra đối với công tác truyền thông cho người DTTS

Tập quán sống của các cộng đồng thiểu số thường ở những vùng địa bàn chia cắt, văn hóa, tín ngưỡng khác biệt, trình độ dân trí nhìn chung còn thấp nên truyền thông cho người dân tộc thiểu số gặp nhiều trở ngại, đòi hỏi đầu tư thích đáng nguồn nhân lực, vật lực.

Để truyền thông hiệu quả, cần đổi tượng hóa một cách mạnh mẽ và hướng về cơ sở, thậm chí đến từng nhóm đối tượng. Các hình thức và phương thức truyền thông dân tộc mang đặc trưng thôn

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



bản, dựa trên sự tôn trọng đa dạng văn hóa và phát huy tính tích cực của người dân bản địa và được tiến hành bằng ngôn ngữ của dân tộc thiểu số để nâng cao hiệu quả.

Do trình độ phát triển không đồng đều giữa các cộng đồng thiểu số nên truyền thông dân tộc cần được duy trì thường xuyên, liên tục với phương châm “mưa dầm, thấm lâu”.

Sự lan tỏa các thực hành mới trong cộng đồng thiểu số là quá trình mang tính lựa chọn, cần thời gian nhất định và qua những kênh nhất định, từ người tiên phong đến các thành viên khác thông qua mối liên hệ gia đình, dòng họ, sinh hoạt cộng đồng. Quá trình lan tỏa các thực hành mới cần thực hiện từng bước, tạo cơ hội để kiểm chứng và học hỏi từ thực tế.

Tính gắn kết cộng đồng cao (từ quan hệ gia đình, anh em dòng họ đến các tổ nhóm, tổ chức đoàn thể, thực hành tín ngưỡng, tâm linh, lễ hội...) là tác nhân quan trọng để lan tỏa và duy trì các thực hành mới, tăng hiệu quả truyền thông.

Nếu biết tận dụng lợi thế của mỗi dân tộc về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng, quan hệ xã hội, truyền thống văn hóa, sẽ có cơ hội thành công cao trong truyền thông dân tộc.

Cần sự tham gia của tất cả các lực lượng truyền thông như trực tiếp, báo in, phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin mới. Đồng thời cần tăng cường truyền thông bằng các thứ tiếng dân tộc kể cả về thời lượng, dung lượng và số lượng các tiếng dân tộc.

2.6 Bài học kinh nghiệm

2.5.1 Bài học kinh nghiệm truyền thông thiên tai của các quốc gia trên thế giới thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai

Bài học kinh nghiệm của Mỹ

Tại đảo Oahu thuộc quần đảo Ha-oai (Mỹ) nơi có nguy cơ động đất và sóng thần rất cao, mặc dù cuộc sống của người dân trên đảo vẫn diễn ra bình thường, song trên đường phố hàng ngày người ta vẫn bắt gặp những chiếc xe cứu hỏa kéo còi ừ chạy dọc ngang. Mục đích là để nhắc nhở người dân không được lơ là, mất cảnh giác trước nguy cơ động đất, sóng thần có thể xảy ra bất kỳ lúc nào. Tại Mỹ cho phép các Đài truyền hình khác nhau tự biên tập nội dung dự báo, cảnh báo để phù hợp với Trước những thiệt hại lớn do thiên tai, công tác cảnh báo sớm ở Hàn Quốc đã được chú trọng. Các dịch vụ cảnh báo sớm thường được áp dụng như cảnh báo thông qua các dịch vụ phát thanh truyền hình, qua điện thoại di động, hệ thống thông báo tự động tại làng xã.. Thông tin cảnh báo sẽ được cung cấp bởi cơ quan quản lý thiên tai quốc gia hoặc cơ quan khí tượng quốc gia.

Bài học kinh nghiệm của Hàn Quốc

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Tại Hàn Quốc, năm 2006 Viện Quản lý thiên tai Quốc gia được thành lập nhằm nâng cao kiến thức cộng đồng thông qua các hoạt động học tập và tương tác với hàng loạt các khóa học được tổ chức ở cấp quốc gia, quốc tế. Các khóa đào tạo này bắt buộc đối với cán bộ địa phương, các cán bộ chịu trách nhiệm quản lý rủi ro thiên tai tại địa phương. Ngoài các lớp học về lý thuyết còn có các lớp thực hành để ứng phó khẩn cấp trong trường hợp có thiên tai, các lớp này được tổ chức liên tục hàng năm từ cơ bản đến chuyên sâu dành cho nhiều đối tượng khác nhau tiếng nói và văn hóa địa phương.

Bài học kinh nghiệm của Thái Lan

Sau sự cố sóng thần xảy ra ở Ấn Độ Dương (12/2004), chính phủ một số nước trong khu vực đã quyết định đầu tư lớn cho việc nâng cấp hoặc xây dựng mới các trạm trấn và cảnh báo thảm họa, ứng dụng các công nghệ tiên tiến. Đi đầu trong lĩnh vực này là Thái Lan với việc đầu tư xây dựng Trung tâm cảnh báo thảm họa quốc gia ở Non-tha-bu-ri, kết nối với trung tâm Ha-oai (Mỹ). Trung tâm này được kết nối với 10 đài truyền hình, hơn 500 đài phát thanh và 20 triệu thuê bao điện thoại di động. Trung tâm có khả năng truyền thông tin cảnh báo sóng thần ngay lập tức tới các đài phát thanh và truyền hình địa phương, gửi gấp 5.000 tin nhắn tới các máy điện thoại di động trong vòng hai phút. Trung tâm đã lắp đặt ba trạm kiểm soát ngoài khơi và 60 tháp cảnh báo thảm họa. Bên cạnh đó Giáo dục về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai vào chương trình học của các cấp phổ thông.

Bài học kinh nghiệm của Nhật Bản

Ở Nhật Bản chính phủ rất coi trọng công tác tuyên truyền về thảm họa, trên các đường phố, người ta dễ dàng bắt gặp các pano, áp phích hướng dẫn người dân khi thảm họa xảy ra. Với quan điểm phải truyền lại cho thế hệ sau các bài học kinh nghiệm từ thảm họa, cũng như phổ biến kinh nghiệm cho các nước để cùng hợp tác trong phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng nhiều bảo tàng, đài tưởng niệm, bia đánh dấu mức sóng thần... Là những giáo cụ trực quan sinh động nhằm giáo dục và nâng cao ý thức của người dân trong phòng chống thảm họa.

2.5.2 Liên Hợp Quốc tại Việt Nam và tổ chức Oxfam và bài học kinh nghiệm về Bình đẳng giới trong công tác giảm nhẹ rủi ro thảm họa và tăng trưởng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phụ nữ và trẻ em gái rất thường xuyên được mô tả là những nạn nhân thụ động của thiên tai. Tuy nhiên phụ nữ và trẻ em gái có những kỹ năng và hiểu biết, kinh nghiệm đặc biệt có thể được sử dụng cũng như đưa vào các chính sách và hành động quốc gia. Năm 2004, mọi người đã được biết đến câu chuyện về nữ sinh 11 tuổi tên là Tilly Smith đã báo động cho khoảng 100 du khách thoát khỏi trận sóng thần xảy ra tại Châu Á vào thời điểm đó. Nhờ có kiến thức về sóng thần qua một giờ địa lý mới được học, Tilly đã nhận thấy các dấu hiệu cảnh báo một sự việc không bình thường đang diễn ra, từ đó cô bé đã thuyết phục gia đình và các du khách khác rời khỏi bãi biển ngay trước khi cơn sóng thần ập đến.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Chúng ta cũng cần hiểu rõ hơn về việc nam giới và phụ nữ, trẻ em gái và trẻ em trai bị ảnh hưởng theo những cách khác nhau như thế nào bởi thiên tai và biến đổi khí hậu. Ví dụ, ở Việt Nam, phụ nữ chiếm đa số trong lực lượng lao động nông nghiệp và vì vậy họ bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi những tác động của biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp. Phụ nữ cũng hiếm khi được sử hữu đất đai. Điều này có nghĩa là sau khi xảy ra thiên tai, nhiều phụ nữ không thể tự mình xin trợ cấp xã hội để sửa chữa nhà cửa hay gây dựng lại kế sinh nhai. Họ cũng phải chịu nhiều rủi ro hơn khi xảy ra lũ lụt vì các em gái ít khi được học bơi.

Việt Nam hiện đã có một khung pháp lý nhằm giải quyết vấn đề bình đẳng giới. Trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi Khí hậu nêu bật tầm quan trọng của bình đẳng giới như một nguyên tắc chỉ đạo. Chương trình này cũng nhấn mạnh rằng những tác động mà biến đổi khí hậu có thể gây nên cho phụ nữ có nguy cơ làm mất đi nhiều thành tựu đã đạt được trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

Tuy vậy, phụ nữ vẫn ít được đại diện trong các cơ quan, thể chế chính thức về quản lý rủi ro thiên tai, ví dụ như Ban Chỉ đạo Phòng chống Lụt bão Trung ương, Ủy ban Tìm kiếm Cứu nạn, quân đội và Ủy ban Nhân dân các cấp. Công tác ứng phó với thiên tai vẫn tiếp tục được coi là việc của nam giới.

Tại một số địa phương như Phú Yên và Bình Định, Hội LHPN tỉnh hiện là thành viên chính thức của Ban Chỉ đạo Phòng chống Lụt bão và Ủy ban Tìm kiếm Cứu nạn cấp tỉnh, có vai trò tích cực trong công tác cứu trợ và phục hồi. Tuy nhiên, ở hầu hết các tỉnh thành khác đây không phải là một thông lệ. Ở cấp Trung ương, Hội LHPN Việt Nam cũng chưa phải là thành viên của Ban Chỉ đạo Phòng chống Lụt bão Trung ương. Điều này trên thực tế có nghĩa là tiếng nói của một nửa dân số Việt Nam đã bị bỏ qua.

Tại một sự kiện tổ chức tại Hà Nội ngày hôm nay, do Ban Chỉ đạo Phòng chống Lụt bão Trung ương, Hội LHPN Việt Nam, Nhóm Công tác Quản lý Thiên tai và LHQ tại Việt Nam đồng tổ chức, những vấn đề này đang được nêu lên và giải quyết.

Một trong những biện pháp quan trọng để giải quyết vấn đề sự đại diện của phụ nữ là cần chính thức hóa vai trò thành viên của Hội Phụ nữ trong Ban Chỉ đạo Phòng chống Lụt bão, đồng thời tăng cường số lượng ủy viên nữ trong Ban Chỉ đạo Phòng chống Lụt bão ở tất cả các cấp lên tối thiểu 30%. Điều này sẽ giúp đảm bảo sự tham gia tích cực của phụ nữ trong công tác này.

Hiện nay LHQ đang hỗ trợ Việt Nam cam kết đảm bảo tiếng nói của cả nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái đều được đưa vào các thảo luận về quản lý và ứng phó với rủi ro thiên tai. LHQ cũng đang phối hợp với Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn nhằm hỗ trợ Chương trình Quốc gia về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai dựa vào cộng đồng, đồng thời phối hợp với Hội Phụ nữ các cấp nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong các quá trình ra quyết định.

2.5.3 Tổ chức FAO và bài học kinh nghiệm phòng tránh thiên tai cho cộng đồng các dân tộc thiểu số thông qua việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Fao đã chia sẻ kinh nghiệm phòng tránh thiên tai cho cộng đồng các dân tộc thiểu số thông qua việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, đồng thời hướng chính quyền địa phương, người dân tham gia vào việc thực hiện nhiệm vụ cảnh báo sớm cùng với cơ quan chuyên môn. Hệ thống cảnh báo sớm bao gồm thiết bị đo mưa thủ công, tháp báo lũ, các bản đồ thiên tai và nguy cơ xảy ra thiên tai của các địa phương, các thiết bị truyền thông tin như trống, kèn, loa, còi, máy bộ đàm. Hệ thống cảnh báo sớm sẽ phát huy tác dụng khi chính quyền địa phương và người dân được trang bị kiến thức và tự nguyện tham gia quan sát, đo và thông tin tình hình mưa, lũ lụt ở địa phương đến cơ quan chuyên môn và thông báo rộng rãi đến thôn, làng. Trên cơ sở đó cơ quan chuyên môn sẽ có sở sớ sát thực để tham mưu cho Can chỉ huy PCLBB&TKCN các cấp chỉ đạo công tác ứng với thiên tai ở những vùng không có trạm khí tượng thủy văn. Người dân khi có thông tin cũng chủ động các biện pháp phòng tránh, ứng phó theo các tình huống đã được diễn tập

PHẦN 3: NHẬN THỨC VÀ HÀNH VI CỦA NGƯỜI DTTS TRONG CÔNG TÁC PHÒNG TRÁNH VÀ GIẢM NHẸ HẬU QUẢ DO THIÊN TAI GÂY RA

3.1 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với Thiên tai theo độ tuổi

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy:

Nhóm trung niên và cao niên có nhận thức về hậu quả và các phòng tránh thiên tai tương đương với nhóm Thanh niên. Tuy nhiên kỹ năng, kinh nghiệm ứng phó thực tế với thiên tai của nhóm trung niên là tốt nhất trong 3 nhóm tuổi và khẳng định tính giao thoa giữa tri thức bản địa và kiến thức khoa học mới được thu nhận.

Nhóm thanh niên có khả năng tiếp thu kiến thức mới về phòng tránh thiên tai tốt nhất trong các nhóm tuổi do có sự năng động và khả năng sử dụng nhiều thiết bị công nghệ để tìm kiếm thông tin như máy tính, điện thoại smartphone. Tuy nhiên nghiên cứu cũng chỉ ra đây là nhóm thờ ơ nhất với những thông tin cảnh báo thiên tai cũng như những nội dung phổ biến kiến thức về phòng tránh thiên tai

Nhóm cao niên sở hữu tri thức bản địa về thiên tai phong phú tuy nhiên do hạn chế về tuổi tác và cản trở ngôn ngữ nên nhóm này khó tiếp thu những thông tin, kiến thức mới. Tuy nhiên đây lại là nhóm quan tâm và tích cực nhắc nhở thúc đẩy hành vi tốt trong phòng chống thiên tai của các thành viên khác trong gia đình

3.2 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với Thiên tai giới theo giới tính

So với Nam giới Nữ giới có trình độ nhận thức và hành vi thấp hơn Nam

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy:

Nam giới người DTTS có cơ hội tiếp cận thông tin về thiên tai thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng cao hơn Nữ giới 20,5% và tham gia các khóa đào tạo, tập huấn kiến thức, họ

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



địa phương nhiều hơn Nữ giới 66%. Xét về cả nhận thức, hành vi và kỹ năng ứng phó thiên tai Nam giới người DTTS đều có sự vượt trội so với Nữ giới và biên độ chênh lệch từ 30 – 55%.

Phụ nữ dân tộc thiểu số ở các xã cũng tham gia nhiều hơn vào các tổ chức đoàn thể nhưng còn ở vị trí thứ yếu. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến vai trò phụ nữ dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế gia đình nhưng quan niệm định kiến của xã hội về định kiến giới, khả năng tiếp cận thông tin còn thấp, sự giúp đỡ của người chồng còn hạn chế, trình độ của chị em còn hạn chế... đặc biệt là ý thức bản thân về vai trò của nhiều chị em vẫn chưa cao. Để nâng cao vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế gia đình cần thực hiện tốt các giải pháp như xóa bỏ tư tưởng, quan niệm cổ hủ, định kiến giới, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, nâng cao trình độ cho phụ nữ dân tộc thiểu số... và đặc biệt là mỗi chị em phụ nữ cần nâng cao trình độ của bản thân, tiếp thu kiến thức mới để từ đó chị em tự tin vào bản thân, phát huy hết khả năng của mình, đóng góp vào sự phát triển của gia đình và xã hội.

3.3 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với Thiên tai theo nghề nghiệp

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy:

100% Cán bộ cấp xã và 72% cán bộ cấp thôn, bản có kiến thức tốt về các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra ở địa phương bao gồm: loại hình, cường độ, các khu vực nguy hiểm, phương pháp phòng tránh, kế hoạch phòng tránh. Đã được tham gia các lớp đào tạo tập huấn và có DTTS.

Học sinh: trên 80% các em học sinh tham gia khảo sát được giáo dục, đào tạo về phòng tránh thiên tai trong trường học và đã có kiến thức nền tảng cũng như kỹ năng bảo vệ bản thân tuy nhiên để có thể trở thành lực lượng nòng cốt trong tương lai cần được thực hành các kỹ năng nhiều hơn thay vì chỉ học trên lý thuyết

Nông dân: có đời sống kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết , 86% có tri thức bản địa và 50% biết ứng dụng tri thức bản địa trong công tác dự báo cảnh báo thiên tai và canh tác nông nghiệp . 83,5% quan tâm đến các bản tin thời tiết và sẵn sàng áp dụng các biện pháp hạn chế thiệt hại của thiên tai như thu hoạch hoa màu, chống rét cho gia súc khi có khuyến cáo của chính quyền địa phương.

Công nhân: Thiếu tri thức bản địa nhưng có cơ hội tiếp cận về thông tin thiên tai nhiều hơn nhóm nông dân do được học và tập huấn về thiên tai trong tại nơi làm việc. 46,8% nhóm này chủ quan với các bản tin cảnh báo thiên tai và các chương trình phổ biến kiến thức về thiên tai

3.4 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với Thiên tai theo địa vị xã hội và các tổ chức trong cộng đồng người DTTS

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy:

100% Già làng sở hữu tri thức địa phương phong phú và nắm bắt được những chủ trương, chính sách của nhà nước đối với người dân tộc thiểu số nói chung và phòng chống thiên tai nói riêng.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Đây cũng là nhóm có kết quả tốt nhất trong cộng đồng người DTTS luôn quan tâm đến thông tin về thiên tai và nhắc nhở cộng đồng những hành vi đúng để bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

60,2% Các hội nhóm sẵn có tại địa phương như đoàn thanh niên, tổ phụ nữ phát huy tốt vai trò là các tuyên truyền viên, thanh niên xung kích trong phòng chống, giảm nhẹ hậu quả của thiên tai. Tuy nhiên các nhóm này hoạt động còn rời rạc thiếu tính thống nhất, liên kết thông tin và hành động chưa theo một kịch bản cụ thể nào.

3.5 Đánh giá nhận thức và hành vi của người DTTS đối với Thiên tai theo mức độ thiệt hại mà người được khảo sát đã từng phải gánh chịu do thiên tai gây ra

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy:

Người dân tộc thiểu số ở những vùng chưa chịu thiệt hại, mất mát về thiên tai thường có tâm lý chủ quan và kỹ năng phòng chống kém hơn so với những người đã trải qua thiên tai và chịu thiệt hại

Nam Bộ là vùng đất hiểm khi có bão, nhưng khi vào thì thiệt hại rất nghiêm trọng do người dân không có kinh nghiệm phòng chống như ở miền Trung và miền Bắc. Ngược dòng thời gian, trong hơn 100 năm qua, có 2 trận bão gây thiệt hại nặng nề mà người dân Nam Bộ khó thể nào quên, đó là trận bão năm Thìn và trận bão Linda xảy ra vào đầu và cuối thế kỷ trước. Bão số 9 - Durian năm nay đã lặp lại lịch sử 2 cơn bão trước!

- Bão năm Thìn (ngày 1/5/1904): đổ bộ vào Gò Công và các vùng duyên hải Nam Bộ, đi qua Mỹ Tho, Tân An (tỉnh Tiền Giang và Long An ngày nay). Bão quét đổ chuyển xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, là tuyến xe lửa đầu tiên của Việt Nam; hàng ngàn thuyền bè bị đắm; nước dâng cao 3,5 - 4m, cuốn trôi nhiều làng ven biển; mưa to kết hợp với triều cường làm nước dâng, gây lũ ở miền Đông Nam Bộ, gây chết khoảng 5.000 người. Nước mặn tràn sâu vào đồng ruộng, gây hậu quả là 2-3 năm sau đó không trồng trọt được.
- Bão số 5 - Linda (ngày 2/11/1997): quét qua vùng ven biển Nam Bộ và đổ bộ vào Cà Mau - Kiên Giang lúc 19 giờ, với sức gió mạnh cấp 9, cấp 10, làm gần 3.000 người chết và mất tích, hàng chục ngàn tàu thuyền bị đắm

M.V (nguồn: Đài khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ)

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



PHẦN 4 PHÁT HIỆN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1 Các phát hiện và khuyến nghị đối với nội dung truyền thông thiên tai cho người DTTS

Phát hiện : Nội dung truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số còn chung chung và chưa có sự khác biệt đối với từng nhóm đối tượng khác nhau về độ tuổi, thu nhập, trình độ nhận thức , nghề nghiệp v...

Hộp số liệu
<p>90% (50 gia đình tại 4 xã tiến hành khảo sát) được hỏi cho biết được tuyên truyền về thiên tai trên tivi, loa đài và tại thôn bản với nội giống nhau không có sự khác biệt đối với từng nhóm độ tuổi trong gia đình .</p> <p>80% (30 người tham gia công tác tuyên truyền thiên tai tại địa phương tại 4 xã tiến hành khảo sát) được hỏi cho biết tiến hành tuyên truyền về giảm nhẹ hậu quả thiên tai cho người DTTS dựa trên các tài liệu có sẵn được nhận từ các buổi đào tạo, tập huấn và không có nội dung liên quan đến việc cần có nội dung tuyên truyền riêng cho từng đối tượng. 20% còn lại trả lời có sự linh động trong công tác tuyên truyền để mang lại hiệu quả tuyên truyền cao nhất đối với từng nhóm đối tượng</p>

Khuyến nghị:

Nội dung truyền thông tập trung vào các mục tiêu của chiến lược được phân chia theo từng nhóm đối tượng truyền thông đặc thù. Cụ thể như sau:

Đối tượng truyền thông	Nội dung truyền thông chung	Nội dung cần tập trung truyền thông theo từng nhóm đối tượng
A. Nhóm đối tượng thụ hưởng của chương trình: người dân tộc thiểu số		
<p>Người có uy tín trong cộng đồng người dân tộc thiểu số</p>	<p>1. Truyền thông thường xuyên nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó thiên tai</p> <p>Nội dung truyền thông: Xây dựng kế hoạch chủ động phòng tránh và ứng phó thiên tai tại địa phương Truyền thông kế hoạch cho tất cả người dân trong thôn bản cùng nắm rõ Đào tạo, tập huấn cho người dân tộc thiểu số về kỹ năng</p>	<p>Tập trung truyền thông về vai trò của người đứng đầu cộng đồng khi thảm họa thiên tai xảy ra Người có uy tín cần nắm rõ kế hoạch phòng chống thiên tai của thôn, bản mình và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của cộng đồng tham gia công tác ứng cứu và khắc phục hậu quả khi thiên tai xảy ra.</p>
<p>Các hội nhóm sẵn có trong cộng đồng người dân tộc thiểu số như : hội phụ nữ, hội người cao tuổi, đoàn</p>		<p>Tập trung truyền thông nâng cao vai trò của các hội nhóm có sẵn trong cộng đồng trong hoạt động truyền thông thiên tai cấp địa phương.</p>

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



<p>thanh niên v....</p>	<p>ứng phó với thiên tai như : nhận biết dấu hiệu của thiên tai, cách thu hoạch hoa màu, chằng chống nhà cả</p> <p>2. Truyền thông ứng phó giảm nhẹ hậu quả khi thiên tai xảy ra</p>	<p>Các hội nhóm này cần nắm vững kiến thức về phòng chống thiên tai và kế hoạch ứng phó cấp địa phương Cần được tham gia đào tạo, tập huấn về kỹ năng truyền thông để lan tỏa thông điệp truyền thông về thiên tai đến các thành phần khác trong cộng đồng</p>
<p>Người dân tộc thiểu số sinh sống dựa vào kinh tế nông nghiệp .</p>	<p>Trước khi thiên tai xảy ra Nội dung truyền thông: bao gồm các thông tin về sự di chuyển/vị trí của các loại thiên tai, cảnh báo về các mối đe dọa/nguy hiểm được dự báo trước/tiềm tàng của chúng và các tác động đến cộng đồng (con người, đời sống, tài sản...), và các yêu cầu chung nhằm giảm nhẹ và ngăn ngừa thiên tai. Trong khi thiên tai xảy ra</p>	<p>Nội dung truyền thông thiên tai đối với nhóm đối tượng này cần gắn chặt với phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo cho người dân tộc thiểu số như: Bảo vệ rừng đầu nguồn, sản xuất nông nghiệp bền vững dưới tán rừng Sử dụng giống nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu như giống lúa cho thu hoạch sớm để tránh lũ, trồng cây chịu hạn ở những nơi thiếu nước Cách thu hoạch hoa màu , bảo vệ đàn gia súc để giảm hậu quả của thiên tai</p>
<p>Nam giới người dân tộc thiểu số</p>	<p>Nội dung truyền thông: cung cấp thông tin về di chuyển hiện tại của thiên tai, đánh giá thiệt hại ban đầu và các hoạt động ứng cứu khẩn cấp (thường được đưa ra bởi các lãnh đạo xã và thành viên của Ủy ban Phòng chống Lụt bão)</p>	<p>Truyền thông về vai trò nòng cốt của nam giới trong phòng chống thiên tai và nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng ứng phó khi thiên tai xảy ra Tập huấn kỹ năng về chằng chống nhà cửa, neo đậu tàu thuyền và hỗ trợ người thân, cộng đồng khi thiên tai xảy ra</p>
<p>Nữ giới người dân tộc thiểu số</p>	<p>chẳng hạn như di rời trẻ em và người già đến các điểm an toàn hơn; Khắc phục hậu quả sau thiên tai Nội dung truyền thông: thông tin về các thiệt hại về người và tài sản, kêu gọi ứng cứu và ủng hộ cho các nạn nhân của thiên tai, các yêu cầu được gửi đến các tổ chức xã hội như thanh niên, dân quân tự vệ, lãnh đạo xã để tiến hành các hoạt động giúp đỡ các nạn nhân, sửa chữa cơ sở hạ tầng</p>	<p>Truyền thông nâng cao vai trò của nữ giới trong công tác phòng chống thiên tai. Khuyến khích nữ giới tham gia lập kế hoạch ứng phó thiên tai tại phương Đưa nữ giới vào các hội nhóm tuyên truyền phòng chống thiên tai Tập trung hướng dẫn cho nữ giới người dân tộc thiểu số cách chuẩn bị lương thực , thuốc và nước uống trước khi thiên tai xảy ra, bảo vệ sức khỏe gia đình trước mỗi nguy về mất an toàn thực phẩm, môi trường và đề phòng dịch bệnh sau thiên tai.</p>
<p>Thiếu niên người dân tộc thiểu số</p>	<p>các hoạt động giúp đỡ các nạn nhân, sửa chữa cơ sở hạ tầng</p>	<p>Truyền thông cho các em cách tự bảo vệ bản thân khi thiên tai xảy ra như:</p>

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



	bị hư hỏng trong phạm vi xã/làng (ví dụ trường học, đường xá...)	không tắm sông, vớt củ ở suối, không đi qua nơi dễ sạt lở đất Dạy bơi cho trẻ em ở những nơi có nguy cơ xảy ra lũ lụt Đưa kiến thức về phòng tránh thiên tai vào các bài học trong nhà trường và yêu cầu các em củng cố ác em và các bậc phụ huynh thực hiện những bài học đó
Thanh niên người dân tộc thiểu số		Truyền thông đề cao vai trò tiên phong, xung kích trong công tác phòng chống thiên tai . Thay đổi thay độ thờ ơ trước các thông tin dự báo thời tiết và những cảnh báo thảm họa thiên tai có thể xảy ra.
Trung niên và cao tuổi người dân tộc thiểu số		Đây là nhóm đối tượng có kinh nghiệm sống và luôn quan tâm chuẩn bị trước thông tin cảnh báo thiên tai nên cần truyền thông nhấn mạnh vào việc nhóm đối tượng này cần truyền lại tri thức bản địa, kinh nghiệm ứng phó thiên tai và thái độ chủ động trước thiên tai cho các thành viên trong gia đình và cộng đồng.
B. Nhóm thực hiện chương trình gồm: các cán bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm quản lý, triển khai thực hiện chiến lược từ Trung ương đến địa phương.		
Cấp trung ương	Nội dung truyền thông: Đề cao việc cần phải có nội dung, công cụ và phương thức truyền thông riêng đối với người dân tộc thiểu số. Phải đảm bảo người dân tộc thiểu số chủ động tham gia xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ trong kế hoạch phòng chống thiên tai tại cộng đồng. Đồng hành và hỗ trợ người dân trong việc xây dựng kế hoạch để đảm bảo kế hoạch khả thi và đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản cho người dân Phải đảm bảo cả nam giới và nữ giới đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin về thiên tai và được bảo vệ trước tác động của thiên tai. Đưa truyền thông về thiên tai trở thành hoạt động thường xuyên và liên tục tại địa phương nhằm biến kiến thức trong phòng chống thiên tai trở thành một phần trong kiến thức bản địa của người dân tộc thiểu số.	

4.2 Các phát hiện và khuyến nghị đối với ngôn ngữ truyền thông thiên tai cho người DTTS

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Phát hiện: Hiện nay cả tiếng phổ thông và tiếng dân tộc đã được sử dụng trong công tác truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên việc sử dụng này còn thiếu tính linh hoạt và tồn tại một vài khuyết điểm như:

- Sử dụng từ ngữ chuyên môn mang tính khoa học trong các bản tin dự báo thời khiến người DTTS không hiểu hết được nội dung thông tin.
- Truyền thông thiên tai trong các lễ hội văn hóa của người dân tộc thiểu số là một cách làm tốt những ngôn ngữ được sử dụng để truyền thông lại thường bằng tiếng Kinh không mang lại hiệu quả cao.v....

Hộp số liệu

88 % trong tổng số 500 người được phỏng vấn trả lời không hiểu hết thông tin được đưa ra trong các bản tin dự báo thời tiết do thông tin lướt qua nhanh và có nhiều từ ngữ khó hiểu.
76% người DTTS cao tuổi (70 người ở độ tuổi 70 – 90 tuổi) không hiểu rõ tiếng Kinh những lại thường xuyên được tuyên truyền về xóa đói giảm nghèo, dân số kế hoạch hóa gia đình và phòng tránh thiên tai bằng tiếng Kinh.

Khuyến nghị:

Để nâng cao hiệu quả truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số cần áp dụng một số nguyên tắc sau đối với ngôn ngữ truyền thông:

Nguyên tắc khi sử dụng tiếng phổ thông trong truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số

Từ ngữ được sử dụng trong truyền thông thiên tai phải đơn giản, dễ hiểu. Không sử dụng tên khoa học hoặc từ ngữ chuyên môn khi truyền thông cho người dân tộc thiểu số. Sử dụng câu đơn giản, ngắn gọn, có âm điệu, ngữ điệu phù hợp, tốc độ phát âm chậm rãi để người dân tộc thiểu số dễ dàng thu nhận thông tin.

Nguyên tắc khi sử dụng tiếng dân tộc trong truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số

Hiện nay các cộng đồng người dân tộc thiểu số không sinh sống riêng biệt mà có nhiều người dân tộc thiểu số khác nhau cùng sinh sống tại một thôn, xã . Chính vì vậy khi truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số bằng tiếng dân tộc cần chú ý đến tỷ lệ nhóm người dân tộc thiểu số nào chiếm ưu thế thì sử dụng ngôn ngữ truyền thông của nhóm dân tộc đó để truyền thông. Tránh trường hợp sử dụng tiếng nói của dân tộc chiếm số ít, không mang tính phổ cập khiến nhóm những người dân tộc thiểu số khác không hiểu được nội dung và thông điệp truyền thông. Bên cạnh đó nội dung truyền thông về thiên tai từ tiếng kinh cần được biên dịch sang tiếng dân tộc bằng người thông thuộc cả hai

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



ngôn ngữ và ưu tiên người thể hiện nội dung và thông điệp truyền thông là người dân tộc thiểu số có uy tín trong cộng đồng vì như vậy nội dung sẽ được truyền tải mạch lạc và mang tính thuyết phục cao hơn.

Nguyên tắc sử dụng linh hoạt tiếng dân tộc và tiếng phổ thông trong truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số.

Đối tượng truyền thông	Hoàn cảnh truyền thông	Ngôn ngữ sử dụng hiệu quả
1. Truyền thông nhóm		
Cán bộ xã, người có uy tín trong thôn bản, hội nhóm ở địa phương, cán bộ cấp xã	Đào tạo tập huấn cấp xã Chuẩn bị công tác ứng phó thiên tai	Tiếng Kinh
Cộng đồng người dân tộc thiểu số	Họp thôn bản Chuẩn bị công tác ứng phó thiên tai	Tiếng Kinh hoặc tiếng dân tộc chiếm đa số
Cộng đồng người dân tộc thiểu số	Lễ hội, hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của người dân tộc Truyền thông thay đổi nhận thức thường xuyên	Tiếng dân tộc
2. Truyền thông cá nhân, hộ gia đình		
Người cao tuổi	Truyền thông thay đổi nhận thức thường xuyên	Tiếng dân tộc
	Chuẩn bị công tác ứng phó thiên tai	Tiếng Kinh và tiếng dân tộc
Thanh niên	Truyền thông thay đổi nhận thức thường xuyên	Tiếng Kinh và tiếng dân tộc
	Chuẩn bị công tác ứng phó thiên tai	Tiếng Kinh và tiếng dân tộc
Trẻ em, thiếu niên	Truyền thông thay đổi nhận thức thường xuyên	Tiếng Kinh và tiếng dân tộc
	Chuẩn bị công tác ứng phó thiên tai	

4.3 Các phát hiện và khuyến nghị đối với thông điệp truyền thông thiên tai cho người DTTS

Phát hiện: Trong 5 năm gần đây các cơ quan truyền thông về thiên tai và dân tộc thiểu số đã có sự quan tâm chú trọng xây dựng thông điệp về thiên tai đối với người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên số lượng thông điệp và tần suất truyền tải còn thấp nên hiệu quả truyền thông chưa cao. Nội dung truyền thông dàn trải, thiếu tính tập trung cũng dẫn đến việc đưa thông điệp không cụ thể, mạch lạc để người DTTS có thể ghi nhớ bên cạnh đó nhiều thông điệp đưa ra còn xa lạ thiếu tính gần gũi với đời sống văn hóa, tinh thần của người dân tộc thiểu số.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Hộp số liệu

68% trên tổng số 120 người đã từng chịu thiệt hại do thiên tai lũ quét và sạt lở đất gây ra cho rừng hậu quả mà họ gánh chịu một phần là do không nhận được các yêu cầu bắt buộc di dời và thông tin về mức độ nghiêm trọng của thiên tai mà họ sẽ phải gánh chịu từ chính quyền địa phương. 22% còn lại trả lời họ được nhận thông tin cụ thể về việc thiên tai sắp xảy ra nhưng do chủ quan và chậm trễ nên chịu mất mát do thiên tai gây ra. 10.% hoàn toàn bị bất ngờ không biết thông tin gì.

Khuyến nghị:

Thông điệp trong truyền thông thiên tai cần được xem xét và cân nhắc một cách kỹ lưỡng để đảm bảo hiệu quả của chương trình truyền thông thông điệp gửi tới người dân tộc thiểu số phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Thông điệp phải đề cao vai trò của người dân tộc thiểu số trong phòng chống và giảm nhẹ hậu quả của thiên tai.
- Thông điệp đưa ra phải mang tính tích cực khuyến khích người dân tộc thiểu số thực hiện những hành vi tốt trong phòng chống thiên tai.
- Nội dung thông điệp phải ngắn gọn, lượng thông tin cao
- Hình ảnh và âm thanh được sử dụng trong thông điệp phải gắn liền với đời sống và hình ảnh quen thuộc trong cuộc sống của người dân tộc thiểu số .
- Nên đưa ra các thông điệp cụ thể , gắn gũi theo mùa vụ canh tác hoặc gắn với một loại hình thiên tai cụ thể. Tránh đưa ra các thông điệp mang tính chung chung, khái quát không rõ ràng thiếu tính thuyết phục.
- Nên đưa thông điệp dưới hình thức tranh ảnh, truyện, sách mỏng hoặc thông qua các loại hình nghệ thuật đã tồn tại lâu đời trong đời sống của người dân tộc thiểu số

4.4 Các phát hiện và khuyến nghị đối với Kênh, công cụ và phương thức truyền thông cho người dân tộc thiểu số

Phát hiện: Hiện nay các kênh và công cụ truyền thông về thiên tai cho người DTTS nhìn chung khá đầy đủ và mang lại hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên công tác truyền thông hiện nay còn quá phụ thuộc và các phương tiện thông tin đại chúng phổ thông như truyền hình, phát thanh mà bỏ quên thế mạnh của các công cụ truyền thông truyền thống như loa phát thanh, chiêng, cờ báo bão, tù và v... Bên cạnh

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



đó cũng chưa phát huy được thế mạnh của các phương tiện truyền thông hiện đại như mạng di động, Facebook v...

Hộp số liệu

48% khu vực dân cư tại hai xã Mù Căng Chải và Chieng Cang nghe được thông tin thông thường xuyên và ổn định qua hệ thống loa phát thanh. Hiện tại, hầu hết hệ thống đài truyền thanh cơ sở đều được đầu tư từ rất lâu nên nhiều thiết bị đã xuống cấp, lạc hậu. Hệ thống loa truyền thanh ở các xã, thôn vẫn còn quá ít, trong khi địa bàn nông thôn và miền núi thường trải rộng, dân cư lại sống rải rác. Chính vì thế, độ phủ sóng chưa thể giáp tuyến.

100% trong số 4 xã được khảo sát cho biết các công cụ thô sơ như loa cầm tay, chiêng, trống, cờ không được sử dụng một cách thường xuyên trong công tác truyền thông về thiên tai tại địa phương.

62% trong tổng số 300 người DTTS được khảo sát cho biết chưa tiếp cận được thông tin về thiên tai qua mạng internet và mạng di động.

Khuyến nghị:

Để đảm bảo thông tin về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai đến với người DTTS kịp thời và chính xác cần đa dạng hóa kênh và công cụ truyền thông. Sử dụng các kênh và công cụ này linh hoạt trong từng tình huống phòng tránh và ứng phó với thiên tai cụ thể:

- Tận dụng mọi phương tiện truyền thông sẵn có tại địa phương như chiêng, loa cầm tay, trống, tù và, cờ để đưa thông tin về thiên tai.
- Sửa chữa và trang bị mới hệ thống phát thanh thôn bản đảm bảo 100% các thôn bản đều có hệ thống phát thanh và nghe được nội dung cảnh báo thiên tai trên hệ thống thống này

4.5 Các phát hiện và khuyến nghị đối với Tài liệu truyền thông cho người dân tộc thiểu số

Phát hiện:

Hiện nay rất thiếu tài liệu sử dụng truyền thông thiên tai cấp cơ sở như sách, tranh vẽ, clip hướng dẫn v... Chính vì vậy người DTTS chưa có cơ hội tiếp cận thường xuyên và chủ động với kiến thức về phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai cũng như truyền thông những kiến thức này đến với những thành viên khác trong cộng đồng. Người DTTS hiện đang sở hữu một kho tàng tri thức dân gian về phòng tránh thiên tai nhưng đang bị mai một do không được ghi chép lại thành các tài liệu để lưu giữ lại.

Hộp số liệu

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



100% trong số 10 thôn bản tiến hành khảo sát không có các tài liệu truyền thông về thiên tai là sở hữu chung của cả cộng đồng với mục đích phục vụ công tác truyền thông về nâng cao nhận thức về thiên tai cho người DTTS.

40% các già làng trưởng bản có tham gia tập huấn về phòng tránh thiên tai và có ít nhất 1 tài liệu liên quan đến phòng tránh và rủi ro thiên tai. Trong đó các tài liệu này hoàn toàn bằng tiếng phổ thông.

Khuyến nghị:

- Các địa phương cần bổ sung ngân sách để in ấn các tài liệu về phòng tránh và giảm nhẹ hậu quả thiên tai để cấp phát cho người DTTS trên địa bàn. Bên cạnh đó cũng cần chú trọng xây dựng các thư viện tri thức cộng đồng để người DTTS có thể tìm hiểu về thiên tai và cách phòng tránh tại thư viện này.
- Cần sưu tập và ghi chép lại các tri thức già dân của địa phương để ứng dụng rộng rãi thực tiễn phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

4.6 Các phát hiện và khuyến nghị đối với bình đẳng giới trong truyền thông thiên tai đối với người DTTS

Phát hiện: Bình đẳng giới là vấn đề phải được đặc biệt chú trọng trong truyền thông dân tộc. Theo kết quả nghiên cứu thì phụ nữ người DTTS là đối tượng dễ chịu rủi ro về thiên tai hơn nam giới nhưng sức chống chịu và khả năng tiếp cận thông tin về thiên tai, cũng như quyền ra quyết định của phụ nữ lại kém hơn hẳn nam giới. Bên cạnh đó do không sở hữu tài sản nên phụ nữ cũng là nhóm đối tượng khó phục hồi sau thảm họa hơn nam giới.

Hộp kết quả khảo sát

100% Nam giới người DTTS tham gia khảo sát có thể chỉ rõ ít nhất 2 mối nguy về thiên tai tại nơi mình sinh sống trong khi con số ở đối tượng nữ giới là 72%

76% Nam giới người DTTS tham gia khảo sát có kỹ năng chằng chống nhà cửa, thu hoạch hoa màu, bảo vệ gia súc và biết bơi trong khi con số này ở phụ nữ là 46%

88% Nam giới người DTTS tham gia khảo sát tham gia họp dân, thôn bản ít nhất là 3 lần 1 năm trong khi con số này ở phụ nữ là 32%

Khuyến nghị: Nâng cao nhận thức và tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia các hoạt động phòng chống thiên tai cấp địa phương và đưa ra quyết định hành động trong gia đình.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



- Bình đẳng giới là một vấn đề xuyên suốt cần được lồng ghép trong mọi phương thức truyền thông, trong mọi công đoạn của hoạt động truyền thông từ khâu lập kế hoạch, chọn chủ đề, sự kiện, nội dung truyền thông cho đến khâu viết bài, biên tập, sản xuất các sản phẩm truyền thông dân tộc, nơi bất bình đẳng giới vẫn nặng nề.
- Đảm bảo sự hiện diện của phụ nữ trong các sản phẩm truyền thông với tư cách là chủ đề, nội dung được phản ánh cũng như người chuyển tải nội dung, người cung cấp nội dung (người trình bày, người được phỏng vấn) bằng hình ảnh, tiếng nói ở các vai trò khác nhau, trong nghề nghiệp, chức vụ, địa vị xã hội, thuộc nhiều lứa tuổi, dân tộc và tôn giáo khác nhau.
- Cần có sự cân bằng giới trong các sản phẩm truyền thông.
- Sử dụng ngôn ngữ trung tính, tránh ngôn từ, hình ảnh có tính khuôn mẫu mang định kiến giới. Tránh tạo khuôn mẫu về vai trò của phụ nữ và nam giới.
- Tính tới sự cân bằng nam và nữ trong tác nghiệp, quản lý, tổ chức truyền thông

4.7 Các phát hiện và khuyến nghị đối với vai trò của cộng đồng trong truyền thông thiên tai đối với người DTTS

Phát hiện:

Già làng sở hữu tri thức địa phương phong phú và nắm bắt được những chủ trương, chính sách của nhà nước đối với người dân tộc thiểu số nói chung và phòng chống thiên tai nói riêng. Đây cũng là nhóm có kết quả tốt nhất trong cộng đồng người DTTS luôn quan tâm đến thông tin về thiên tai và nhắc nhở cộng đồng những hành vi đúng để bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai. Công tác truyền thông thiên tai đối với người DTTS nên đặt người có uy tín trong cộng đồng là nhân tố trung tâm của mạng lưới truyền thông từ đó mở rộng các mắt xích truyền thông dựa trên uy tín với cộng đồng của các già làng, trưởng bản.

Khuyến nghị:

Đưa các thông điệp về phòng chống thiên tai thông qua người có uy tín trong cộng đồng .

- Sản xuất các loại tư liệu truyền thông truyền tải thông điệp đến người DTTS một cách gần gũi và dễ hiểu như ca hát, kể chuyện, trò chơi cộng đồng trong lễ hội
- Truyền tải hiệu quả những tài liệu truyền thông này đến người có uy tín trong cộng đồng thông qua các cuộc họp do chính quyền địa phương tổ chức hoặc các lớp đào tạo tập huấn.
- Cùng với các già làng xây dựng lộ trình, kế hoạch đưa các thông điệp này vào đời sống của người dân tộc thiểu số.

4.8 Các phát hiện và khuyến nghị đối với công tác giáo dục và truyền thông thường xuyên nâng cao nhận thức về thiên tai của người DTTS tại địa phương

Phát hiện 1: Kết quả nghiên cứu đã khẳng định truyền thông thiên tai trong nhà trường là hiệu quả đối với các học sinh trong việc nâng cao nhận thức và kỹ năng cho các em trong phòng chống thiên tai.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Tuy nhiên công tác truyền thông thiên tai trong nhà trường vẫn thiên nhiều về các bài học kỹ thuyết ít có các buổi học thực tế, trực quan sinh động và thiếu sự tham gia đồng hành cùng gia đình và cả cộng đồng

Khuyến nghị: Xây dựng các bài tập về ứng phó giảm nhẹ hậu quả thiên tai với sự tham gia bắt buộc của phụ huynh học sinh.

Để nâng cao chất lượng công tác truyền thông thiên tai trong nhà trường cần bổ sung các buổi học kỹ năng ứng phó thiên tai với sự phối hợp của phụ huynh học sinh. Các buổi học này có thể được tổ chức ở địa điểm linh hoạt để các gia đình có thể tham gia cùng con em trong việc hành động ứng phó thiên tai như: chằng chống nhà cửa, thu hoạch hoa màu, nhân biết rủi ro thiên tai.

Phát hiện 2: Gắn truyền thông thiên tai với bảo tồn văn hóa truyền thống, lịch sử đời sống của các dân tộc.

Từ lâu thiên tai đã có vị trí riêng trong tri thức dân tộc TS bằng chứng là người DTTS đã duy trì các lễ cúng cầu mưa, mừng lúa mới hàng chục thế kỷ. Tuy nhiên hiện nay những kiến thức về phòng chống thiên tai chưa gắn được vào các lễ hội truyền thống của người dân tộc thiểu số.

Khuyến nghị: Biên soạn nội dung phòng chống thiên tai thành các thể loại nghệ thuật dân gian như thơ, hò, vè, điệu múa dân tộc để sử dụng biểu diễn trong các lễ hội truyền thống của người DTTS để từ đó các kiến thức về phòng chống thiên tai trở thành một phần trong đời sống văn hóa và bám rễ trong đời sống cầu đồng bào DTTS

PHẦN 5 CHIẾN LƯỢC THÔNG THIÊN TAI CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

5.1 Đối tượng truyền thông

Đối tượng truyền thông trong Chiến lược được chia làm 2 nhóm chính gồm:

- Nhóm đối tượng thụ hưởng của chương trình, bao gồm: người dân tộc thiểu số
- Nhóm thực hiện chương trình gồm: các cán bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm quản lý, triển khai thực hiện chiến lược từ Trung ương đến địa phương.

Ngoài 2 nhóm đối tượng chính, hoạt động truyền thông của Chiến lược còn hướng tới các đối tượng ngoài phạm vi chương trình, cộng đồng xã hội, các doanh nghiệp trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể ở địa phương, các tổ chức nghiên cứu và đặc biệt là các tổ chức Quốc tế đã và đang hỗ trợ cho công tác phòng, chống và giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra đối với người dân tộc thiểu số

5.2 Mục tiêu của chiến lược

Mục tiêu chung của chiến lược

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Chiến lược truyền thông thiên tai đối với nhóm dân cư rải rác và người dân tộc thiểu số được xây dựng với mục đích giảm nhẹ tổn thất về con người và kinh tế do thiên tai gây ra đối với nhóm dân cư sống rải rác và người dân tộc thiểu số trên cả nước. Đưa người dân tộc thiểu số trở thành chủ thể hành động trong việc lên kế hoạch và thực hiện các giải pháp phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu. Phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông thiên tai là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; đảm bảo tính chủ động và sẵn sàng ứng phó với những rủi ro thiên tai có thể xảy ra tại địa phương. Đưa hoạt động truyền thông thiên tai trở thành hoạt động thường xuyên, liên tục tại các địa phương có người dân tộc thiểu số sinh sống. Thông qua những giải pháp cụ thể sau đây:

- Xây dựng đội ngũ nhân sự truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số ngay tại địa phương
- Đưa ra những thông điệp truyền thông gần gũi và thiết thực đối với đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân tộc thiểu số
- Hoàn thiện các Kênh, công cụ và phương pháp truyền thông đã được áp dụng để nâng cao hiệu quả công tác truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số.
- Xây dựng các bộ tài liệu sử dụng trong công tác truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số
- Xây dựng kế hoạch triển khai chiến lược truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020

Mục tiêu cụ thể của chiến lược giai đoạn 2016 - 2020

- Đảm bảo 90% người dân tộc thiểu số trên cả nước đều được tiếp cận thông tin về thiên tai ở cả 3 giai đoạn Trước – Trong – Sau khi xảy ra thiên tai thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như Truyền hình, phát thanh trung ương, phát thanh địa phương, báo in, báo điện tử và mạng xã hội v...
- Nâng cao 30% hiệu quả truyền thông về thiên tai và biến đổi khí hậu đối với người dân tộc thiểu số thông qua việc sử dụng ngôn ngữ truyền thông, thông điệp truyền thông gần gũi, dễ hiểu và gắn liền với đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của người dân tộc thiểu số
- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, tri thức bản địa gắn với công tác phòng chống thiên tai đã có từ lâu đời trong cộng đồng người dân tộc thiểu số.
- Đảm bảo các nội dung truyền thông gần gũi, thiết thực và có thể lồng ghép trong các chính sách phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo của địa phương
- Sử dụng hiệu các công cụ truyền thông thô sơ dễ tìm và sẵn có trong cộng đồng trong việc đưa thông điệp truyền thông trong trường hợp khẩn cấp.

5.3 Giải pháp thực hiện Chiến lược

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Các giải pháp để thực hiện Chiến lược truyền thông tập trung vào thông tin quản lý (mục tiêu, nhiệm vụ chương trình, cơ chế chính sách, kế hoạch hàng năm..), thông tin kỹ thuật (tuyên truyền mô hình, kinh nghiệm, bài học cụ thể..) và thông tin kết quả của chương trình. Nội dung các thông tin trên hướng vào tăng cường sự hiểu biết và kiến thức, kỹ năng của các đối tượng hưởng lợi và giới thiệu bài học kinh nghiệm từ các mô hình truyền thông thiên tai có hiệu quả cao

Các Bộ, ngành Trung ương :

- Giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược truyền thông.
- Chuẩn bị và phổ biến hướng dẫn truyền thông cho các tỉnh và tổ chức tập huấn và hỗ trợ sau tập huấn cho cán bộ tỉnh
- Tổ chức các chiến dịch trên phương tiện truyền thông quốc gia sử dụng các phương pháp và kênh thông tin truyền thống.
- Xây dựng kế hoạch kinh phí đề: Hỗ trợ các kênh thông tin, các đối tác truyền thông và các địa phương trong việc triển khai kế hoạch truyền thông hàng năm và cả giai đoạn của Chiến lược truyền thông giai đoạn 2016 – 2020
- Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin đối với các nhà tài trợ quốc tế, nhằm liên kết các chương trình, dự án mà các nhà tài trợ đang tiến hành ở các địa phương với Chương trình truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số
- Xây dựng các kênh thông tin kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả Chương trình. Huy động các nguồn thông tin tin cậy và khách quan từ các Bộ, ngành, các cơ quan nghiên cứu, phục vụ cho công tác đánh giá hiệu quả Chương trình cả về kinh tế, xã hội, môi trường...
- Nghiên cứu xây dựng và sử dụng kênh thông tin riêng nhằm thu thập ý kiến phản hồi của người dân về chính sách và hiệu quả của các kênh truyền thông thiên tai
- Hình thành kênh thông tin trao đổi, đối thoại giữa Trung ương với địa phương, giữa các cơ quan Trung ương với nhau...
- Xác định, đánh giá, phổ biến và nhân rộng các kinh nghiệm thu được đi đến thể chế hóa mô hình hiệu quả.

Cấp tỉnh:

- Chuẩn bị, thực hiện và giám sát kế hoạch truyền thông tỉnh.
- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch truyền thông về chương trình hàng năm và cả giai đoạn. Bố trí kinh phí quản lý, huy động các nguồn lực để triển khai các hoạt động trong kế hoạch truyền thông của chương trình.
- Giao kế hoạch cụ thể cho các cơ quan tuyên truyền của tỉnh (Đài truyền hình, Đài phát thanh, Báo..)
- Tăng cường chỉ đạo phối hợp thông tin giữa các sở, ban, ngành liên quan tới chương trình. Cải thiện công tác cung cấp thông tin, thực hiện tốt vai trò đầu mối của cơ quan tham mưu trong hoạt động thường xuyên của Ban chỉ đạo Chiến lược truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



- Tăng cường thông tin tuyên truyền về giám sát, đánh giá. Tuyên truyền để người dân biết và tham gia vào các nội dung của Chiến lược.
- Phát triển thông tin phổ biến kết quả, kinh nghiệm, tổng kết chính sách, phổ biến và nhân rộng các mô hình truyền thông và ứng phó thiên tai đạt hiệu quả cao. Tổ chức thăm quan học hỏi kinh nghiệm giữa dân với dân, địa phương với địa phương.
- Tổ chức các hoạt động truyền thông sử dụng nhiều phương pháp khác nhau phù hợp với từng đối tượng và địa phương như: loa truyền thanh, áp phích, tờ rơi, website, internet, bảng tin tại trường học, trung tâm y tế... và phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng và các tổ chức quần chúng.

Cấp huyện, xã

- Áp dụng các hình thức thông tin trực tiếp qua các tuyên truyền viên người dân tộc, tuyên truyền qua các lễ hội văn hoá và các hình thức văn hoá khác.
- Huy động các đoàn thể chính trị- xã hội ở địa phương vào hoạt động thông tin tuyên truyền. Phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng truyền thông. Có kế hoạch lồng ghép các hoạt động truyền thông của các dự án, chương trình trong nước, Quốc tế và Tổ chức phi Chính phủ (NGO) với chương trình để đem lại hiệu quả cao.
- Phối hợp hoạt động nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng với hoạt động truyền thông (đào tạo từ xa)
- Tăng cường thông tin phổ biến thông tin về các mặt: sản xuất bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường nhằm dần dần từng bước nâng cao kiến thức và thay đổi hành vi của người nghèo đối với công tác ứng phó và giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra.
- Thiết lập kênh thông tin phản hồi dành cho người dân tham gia theo dõi, giám sát quá trình triển khai thực hiện Chương trình. Cung cấp kịp thời thông tin phản hồi để các cơ quan quản lý cấp trên có những biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm phát huy hiệu tối đa hiệu quả khi thực hiện Chương trình.
- Xây dựng thư viện tri thức về phòng chống và ứng phó thiên tai cấp xã là nơi lưu giữ tri thức địa phương trong phòng chống thiên tai và cập nhật những rủi ro thiên tai có thể gây ra cho người dân địa phương.
- Sử dụng tri thức địa phương và các công cụ dự báo thiên tai đơn giản như thùng đo mưa, cột báo bão trong công tác cảnh báo sớm thiên tai tại địa phương
- Sử dụng hiệu quả các công cụ truyền thông sẵn có tại cộng đồng trong trường hợp phải truyền tin khẩn cấp trong điều kiện bị chia cắt và ko có điện như Chiêng, Tù và, loa cầm tay, cờ báo bão

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



PHẦN 6: KẾ HOẠCH VÀ HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

6.1 Kế hoạch và hành động cụ thể nâng cao hiệu quả công tác giáo dục và nâng cao nhận thức của người dân tộc thiểu số trong phòng tránh và giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra

6.1.1 Mục tiêu

70% con em người dân tộc thiểu số độ tuổi từ 6 -15 tuổi được đào tạo kiến thức về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai trong nhà trường. Các giáo trình đào tạo về phòng tránh giảm nhẹ thiên tai dành cho học sinh người dân tộc thiểu số trong nhà trường có nội dung hướng đến sự tham gia của trẻ em trong công tác phòng chống thiên tai cùng gia đình và cộng đồng

80% các gia đình người dân tộc thiểu số nắm rõ phương án ứng phó khi thiên tai xảy ra với những loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra tại nơi sinh sống.

Đảm bảo tỷ lệ nam giới và nữ giới được tham gia đào tạo, tập huấn và xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai tại cộng đồng là tương đương nhau.

Đảm bảo mỗi thôn, bản đều có nhóm tự nguyện tham gia công tác truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số tại nơi mình sinh sống. Nhóm tự nguyện này được tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về kỹ năng truyền thông và kiến thức về chống, giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra.

Đảm bảo mỗi thôn, bản đều có tài liệu đào tạo, hướng dẫn kỹ năng phòng chống thiên tai để người dân có thể tham khảo và truyền thông lại cho những thành viên khác trong cộng đồng. Tài liệu được biên soạn bằng cả tiếng phổ thông và tiếng dân tộc với ngôn ngữ dễ hiểu, dễ nhớ và phù hợp với đời sống văn hoá, tinh thần của người DTTS

Đưa nội dung phòng chống thiên tai và các lễ hội truyền thống của người dân tộc thiểu số như lễ cầu mưa, lễ mừng lúa mới v...và đi vào đời sống của người dân tộc thiểu số một cách thường xuyên và liên tục

6.1.2 Kế hoạch hành động

Cấp trung ương: Ban chỉ đạo trung ương về phòng, tránh thiên tai

Thời gian: 2016 – 2017

Phối hợp với Bộ Giáo dục Đào tạo biên soạn các tài liệu , giáo trình truyền thông thiên tai cho học sinh người dân tộc thiểu số.

Phối hợp với các cơ quan làm công tác dân tộc cấp trung ương biên soạn các tài liệu truyền thông thiên tai phù hợp với với đời sống văn hoá, tinh thần của người DTTS.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Phối hợp với các cơ quan báo chí , truyền thông để lên kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức cho người DTTS

Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn cấp trung ương cho cán bộ cấp tỉnh và các tuyên truyền viên thiên tai người dân tộc thiểu số.

Xây dựng kế hoạch kinh phí để thực hiện in ấn , cấp phát tài liệu và đào tạo, tập huấn cho người DTTS.

Thời gian : 2017 – 2020

Triển khai kế hoạch đào tạo, tập huấn và truyền thông nâng cao nhận thức cho người DTTS

Cấp tỉnh: Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp tỉnh

Thời gian 2016 - 2020

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch truyền thông về chương trình hàng năm và cả giai đoạn. Bố trí kinh phí quản lý, huy động các nguồn lực để triển khai các hoạt động trong kế hoạch truyền thông của chương trình.

Phối hợp với các cơ quan báo chí , truyền thông để lên kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức cho người DTTS cấp tỉnh

Tổ chức các lớp đào tạo cấp tuần về phòng chống thiên tai cho cán bộ cấp xã các tuyên truyền viên thiên tai cấp địa phương

Cấp địa phương: Ủy ban nhân dân cấp Xã

Thời gian 2016 - 2020

Dựa vào các hội nhóm sẵn có tại cộng đồng người dân tộc thiểu số thành lập ra các nhóm tình nguyện tuyên truyền viên nâng cao nhận thức cho người DTTS

Áp dụng các hình thức thông tin trực tiếp qua các tuyên truyền viên người dân tộc, tuyên truyền qua các lễ hội văn hoá và các hình thức văn hoá khác.

Huy động các đoàn thể chính trị- xã hội ở địa phương vào hoạt động thông tin tuyên truyền. Phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng truyền thông.

Xây dựng các hình thức khuyến khích, động viên thu hút người DTTS tham gia công tác phòng chống thiên tai tại địa phương

Xây dựng thư viện tài liệu phòng chống thiên tai cấp địa phương với các tài liệu do cấp trung ương cấp phát và địa phương tự xây dựng dựa vào thực tế xảy ra thiên tai tại địa phương.

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



6.2 Kế hoạch và hành động cụ thể nâng cao hiệu quả cảnh báo sớm rủi ro thiên tai

6.2.1 Mục tiêu

Nâng cao chất lượng bản tin dự báo thời tiết cấp trung ương, địa phương, giảm thiểu những ngôn từ mang tính khoa học gây khó hiểu cho người DTTS

Đưa ra hệ thống thông điệp mạnh mẽ tác động vào nhận thức và hành vi của người DTTS trong phòng tránh thiên tai

Sử dụng tri thức bản địa trong công tác dự báo, cảnh báo sớm thiên tai cho người DTTS

Đảm bảo 100% hệ thống loa phát thanh thôn bản hoạt động tốt và có người chịu trách nhiệm công tác truyền thông khi thiên tai xảy ra.

Đảm bảo 100% các thôn, bản có hệ thống cảnh báo dự báo thiên tai nhanh dựa vào các công cụ truyền thông sẵn có như loa cầm tay, chiêng, tù và, cột báo lũ v....

6.2.2 Kế hoạch hành động

Cấp trung ương: Ban chỉ đạo trung ương về phòng, tránh thiên tai

Thời gian: 2016 – 2017

Rà soát và bổ sung hệ thống phát thanh thôn bản cho những địa phương chưa có hoặc có những đã cũ và không sử dụng được.

Phối hợp với các đơn vị cung cấp mạng di động để thực hiện cảnh báo sớm thiên tai qua hệ thống tin nhắn di động

Xây dựng kế hoạch kinh phí phục vụ việc đầu tư các trang thiết bị đơn giản có thể cảnh báo sớm thiên tai như cột báo lũ, thùng đo mưa v....

Phối hợp với các cơ quan báo chí truyền thông nâng cao chất lượng phát sóng của các bản tin thời tiết. Đảm bảo nội dung bản tin cấp đại phương có sự khác biệt và chi tiết gần gũi hơn với người dân tộc thiểu số so với các bản tin dự báo thời tiết cấp trung ương.

Phối hợp với các cơ quan làm công tác dân tộc cấp trung ương sưu tập, biên soạn và kiểm chứng khoa học những tri thức địa phương về dự báo thiên tai, biên soạn thành tài liệu sử dụng trong công tác truyền thông, cảnh báo sớm thiên tai cho cộng đồng người DTTS.

Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo nhanh thiên tai kết hợp giữa truyền thông gián tiếp và truyền thông trực tiếp nhằm đảm bảo đưa thông tin nhanh nhất đến người dân tộc ở vùng có khả năng chịu rủi ro thiên tai

Cấp tỉnh: Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp tỉnh

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Thời gian 2016 – 2020

Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn cho cán địa phương các phương thức truyền thông nhanh dựa vào hạ tầng thông tin truyền thông sẵn có tại địa phương trong cảnh báo rủi ro thiên tai

Phân bổ kinh phí mua sắm các trang thiết bị hỗ trợ dự báo, cảnh báo thiên tai đơn giản để cấp phát cho người đại diện chịu trách nhiệm cấp thôn bản.

Phối hợp chặt chẽ với trung tâm dự báo khí tượng thủy văn vùng và các đài phát thanh, truyền hình địa phương để xây dựng những bản tin dự báo thời tiết gần gũi, thiết thực và dễ hiểu đối với đời sống người DTTS

Yêu cầu các xã xây dựng kế hoạch truyền thông, cảnh báo sớm rủi ro thiên tai cấp địa phương và cùng với các đại phương thẩm duyệt và triển khai kế hoạch này.

Cấp địa phương: Ủy ban nhân dân cấp Xã

Thời gian 2016 – 2020

Sử dụng ngân sách cấp xã và huy động thêm các nguồn lực tài chính khác trang bị hệ thống loa phát thanh đảm bảo vận hành tốt và phủ sóng 100% trên toàn xã

Đào tạo về cách truyền thông và khai thác thông tin để truyền thông cho đội ngũ chịu trách nhiệm về nội dung phát trên loa trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra

Xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên do các giá làng, trưởng bản quản lý nhằm tuyên truyền nhanh những cảnh báo về thiên tai đến người dân

Ghi chép lịch sử xảy ra thiên cấp địa phương và cắm biển cảnh báo nguy hiểm ở những nơi thường xuyên xảy ra lũ quét, sạt lở đất v...

Xây dựng phương thức truyền thông nhanh cấp địa phương trong tình huống thiên tai sắp xảy ra như dùng lao cầm tay, chiêng, cờ hoặc nhắn tin sms thông báo đến các thành viên trong cộng đồng. Diễn tập phương thức truyền thông này ở quy mô cấp thôn, bản

6.3 Kế hoạch và hành động cụ thể nâng cao hiệu quả truyền thông cho người dân tộc thiểu số trong và sau khi thiên tai xảy ra

6.3.1 Mục tiêu

Đảm bảo chính quyền địa phương không để mất liên lạc với người dân trong tình trạng bị lũ lụt chia cắt và mất điện cục bộ trong và sau khi thiên tai xảy ra

Đảm bảo người dân có thể tự thông tin cho nhau về nơi di tản và trú ẩn toàn

Đảm bảo người dân có đầy đủ kiến thức và kỹ năng để chăm sóc sức khoẻ và khắc phục hậu quả sau khi thiên tai xảy ra.

6.3.2 Kế hoạch hành động

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Cấp trung ương: Ban chỉ đạo trung ương về phòng, tránh thiên tai

Thời gian: 2016 – 2017

Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn cho cán địa phương các phương thức truyền thông trong tình huống thiên tai xảy ra nhanh, dữ dội gây mất điện và người dân bị cô lập

Cùng địa phương xây dựng phương pháp ứng phó với thiên tai ở từng khu vực với các loại hình thiên tai đặc thù nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho người dân

Phối hợp với các cơ quan báo chí truyền thông nâng cao chất lượng phát sóng của các bản tin thời tiết về diễn biến thiên tai Đảm bảo nội dung bản tin cấp đại phương có sự khác biệt và chi tiết gần gũi hơn với người dân tộc thiểu số so với các bản tin dự báo thời tiết cấp trung ương.

Cấp tỉnh: Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp tỉnh

Thời gian 2016 – 2020

Triển khai kế hoạch truyền thông thiên tai trong tình huống thiên tai xảy ra gây cô lập một nhóm dân cư xuống cấp xã

Rà soát các phương tiện truyền thông có thể hoạt động trong hoàn cảnh không có điện và ngập nước

Phối hợp với cao quan phát thanh, truyền hình địa phương đưa ra những thông tin chính xác và kịp thời đến người dân

Cấp địa phương: Ủy ban nhân dân cấp Xã

Thời gian 2016 - 2020

Xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc cấp xã không bị phụ thuộc vào các trang thiết bị hoạt động cần điện như các báo hiệu bằng âm thanh tiếng còi, cờ

Mỗi khu vực dân cư trong bán kính 0,5km chính quyền địa phương cần nắm được ít nhất 3 số điện thoại liên lạc để đảm bảo thông tin thông suốt trong quá trình xảy ra thiên tai .

KẾT LUẬN

Hiện nay công tác truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số đã được Đảng và nhà nước quan tâm , đầu tư. Chúng ta có đa dạng các phương tiện truyền thông, công cụ truyền thông và các loại hình tài liệu truyền thông. Trong đó yếu tố ngôn ngữ sử dụng để truyền thông cho người dân tộc thiểu số cũng được chú trọng với các chương trình truyền hình đặc biệt dành dành cho người dân tộc thiểu số và các tài liệu truyền thông bằng tiếng dân tộc thiểu số . Tuy nhiên thể mạnh truyền thông vẫn đang nghiêng nhiều về các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, tivi mà còn bỏ quên thể mạnh của các công cụ truyền thông thô sơ nhưng luôn sẵn có tại cộng đồng người dân tộc thiểu số như các nhạc

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số



Dự án Tăng cường Năng lực Thể chế cho quản lý thiên tai rủi ro tại Việt Nam, đặc biệt là các thiên tai liên quan tới biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2012-2016 -SCDM II

cụ dân gian, cờ, chiêng, trống v... Bên cạnh đó các phương tiện truyền thông hiện đại có khả năng cung cấp thông tin nhanh như mạng di động, internet lại chưa phát huy được hiệu quả do đời sống kinh tế của người dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Nội dung truyền thông và các thông điệp truyền thông được đưa ra còn chung chung chưa thể hiện rõ nét bản sắc văn hoá và đề cao tầm quan trọng trong việc người dân tộc thiểu số phải chủ động trong công tác phòng chống và giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra. Để nâng cao hiệu quả truyền thông thiên tai cho người dân tộc thiểu số chúng ta cần quan tâm đến mọi khía cạnh đời sống của người dân tộc thiểu số như đời sống văn hoá, tín ngưỡng, kinh tế, xã hội để từ đó lựa chọn phương thức truyền thông, ngôn ngữ truyền thông và cách thức truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng người DTTS. Chúng ta cần đặc biệt chú trọng đến nội dung, thông điệp, công cụ và phương thức truyền thông ở các giai đoạn trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra cần có sự linh hoạt và phù hợp với từng tình huống và hoàn cảnh xảy ra thiên tai để đảm bảo thông tin đến với người DTTS nhanh, chính xác và có tính tin cậy nhất. Đảm bảo được các yếu tố nêu trên cùng với sự quan tâm của Đảng, nhà nước và các tổ chức NGO công tác truyền thông cho người DTTS Việt Nam sẽ nhanh chóng gặt hái được những kết quả tích cực góp phần giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra đối với người DTTS.

HẾT

Báo cáo hoàn thành

Xây dựng các hình thức truyền thông và thông tin phù hợp với các khu vực dân cư rải rác ở Miền núi và vùng dân tộc thiểu số